

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Phương

- Năm sinh: 03/04/1965

- Giới tính: Nam

- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ, năm 1998, Đại học Quốc gia bách khoa Toulouse, Pháp

- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Giáo sư 2013

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Thủy sản

- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Chủ tịch Hội đồng trường, trường Đại học Cần Thơ.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ tịch Hội đồng trường

- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): thành viên Hội đồng giáo sư cơ sở Trường Đại học Cần Thơ liên tục từ năm 2005 đến nay.

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Phó chủ tịch Hội đồng Giáo sư Liên ngành Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản nhiệm kỳ 2014-2018

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Thành viên Hội đồng giáo sư nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Giáo sư Liên ngành Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản nhiệm kỳ 2018-2023

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 01 sách chuyên khảo; 01 giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

1. **Nguyễn Thanh Phương** (chủ biên), Nguyễn Anh Tuấn, Trần Ngọc Hải, Võ Nam Sơn, Dương Nhật Long, 2014. Giáo trình Nuôi trồng Thủy sản. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2014. Giấy phép xuất bản 922-2014/CXB/1-13/NXB ĐHCT. ISBN 978-604-919-223-4, Nộp lưu chuyên tháng 6/2014. 188 trang.

2. Trần Ngọc Hải (chủ biên), Châu Tài Tảo, **Nguyễn Thanh Phương**, 2017. Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác. Nhà Xuất Bản Đại Học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 157-2017/CXBIPH/30-03/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-833-5. Nộp lưu chiều Quý 4 năm 2017. 211 trang

3. Trần Ngọc Hải, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, **Nguyễn Thanh Phương**, 2017. Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2017. Số

xác nhận đăng ký xuất bản: 3366-2017/CXBIPH/1-105/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-937-0. Nộp lưu chiều Quý 4 năm 2017. 139 trang.

4. **Nguyễn Thanh Phương** và Nguyễn Anh Tuấn (Chủ biên) (2016). Nuôi cá tra *Pangasianodon hypophthalmus* ở đồng bằng sông Cửu Long: Thành công và thách thức trong phát triển bền vững. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. Giấy phép xuất bản 922-2014/CXB/1-13/NXB ĐHCT. ISBN 978-604-919-223-4, Nộp lưu chuyên tháng 6/2014. 188 trang.

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 115 bài báo tạp chí trong nước; 99 bài báo tạp chí quốc tế (và 10 chương sách)

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Tạp chí trong nước: 24 bài

1. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên, Nguyễn Thanh Phương và Vũ Ngọc Út (2020). Biến động mật độ Bacillus, Lactobacillus và Vibrio trong bùn ở tuyến sông Mỹ Thanh, tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(1B): 177-186.
2. Đỗ Văn Bức, Đỗ Thị Thanh Hương, Châu Tài Tảo, Trần Ngọc Hải, Atsushi Ishimatsu và Nguyễn Thanh Phương (2019). Ảnh hưởng của CO₂ lên tỉ lệ sống, tăng trưởng, enzyme tiêu hóa và glucose của tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) giai đoạn tôm bột đến tôm giống. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(3B): 58-66.
3. Võ Nam Sơn, Đào Minh Hải, Nguyễn Thế Diễn, Vũ Văn Thùy, Đinh Xuân Lập, Nguyễn Đỗ Quỳnh và Nguyễn Thanh Phương (2019). Phân tích hiệu quả sản xuất và sử dụng năng lượng điện trong nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) và thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) thâm canh và quảng canh cải tiến ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(1B): 69-79.
4. Đỗ Văn Bức, Đỗ Thị Thanh Hương, Châu Tài Tảo, Atsushi Ishimatsu và Nguyễn Thanh Phương, 2018. Ảnh hưởng của nhiệt độ cao lên tăng trưởng, tỉ lệ sống, glucose và enzyme tiêu hóa của tôm sú (*Penaeus monodon* Fabricius, 1798) giai đoạn Postlarvae 15 đến Juvenile. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Thủy sản)(1): 99-107.
5. Gam, LTH, Vu, NTT, Nhu, PN, Phuong, NT and Huong, DTT (2018). Effects of nitrite exposure on haematological parameters and growth in clown knifefish (*Chitala ornata*, Gray 1831). Can Tho University Journal of Science. 54(2): 1-8. DOI:10.22144/ctu.jen.2018.001
6. Ha, N.T.K., Bieu, N.T.X., Phuong, N.T. and Huong, D.T.T. (2018). Effect of CO₂ on acid-base regulation and growth performance of basa catfish (*Pangasius bocourti*). Can Tho University Journal of Science. 54(2): 18-26.
7. Khanh, L.V., Hai, **T.N., Phuong**, N.T. and Son, V.N. (2018). Effects of different C:N ratios on growth and survival of spotted scat (*Scatophagus argus*) in the biofloc system. Can Tho University Journal of Science. 54(8): 105-113.
8. Lê Thị Bạch, **Nguyễn Thanh Phương**, Bùi Thị Bửu Huệ, Nguyễn Trong Tuấn, Patrick Kestemont, Joelle Leclercq, Lê Tiên Dũng (2018). Protective effect of

pancreatic β -cells MIN6 by some medicinal plants in the Mekong Delta. Vietnam Journal of Chemistry 56(5): 636-640. DOI: [10.1002/vjch.201800062](https://doi.org/10.1002/vjch.201800062)

9. Phan Vĩnh Thịnh, Đỗ Thị Thanh Hương, Mark Bayley, Tobias Wang và **Nguyễn Thanh Phương** (2018). Ảnh hưởng của nồng độ CO₂ cao trong nước lên cân bằng acid và base của lươn đồng, *Monopterus albus* (Zuiew, 1973). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3B): 138-146.
10. Trương Quỳnh Như, **Nguyễn Thanh Phương** và Bùi Thị Bích Hằng (2018). Ảnh hưởng của chiết xuất ôi (*Psidium guajava*) và diệp hạ châu (*Phyllanthus amarus*) lên đáp ứng miễn dịch của tế bào bạch cầu cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Thủy sản)(2): 135-142.
11. Võ Nam Sơn, Bành Văn Nhân, Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2018). Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến và tôm - lúa tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3B): 164-176.
12. Bùi Thị Bích Hằng, **Nguyễn Thanh Phương**, Lê Văn Teo, Trương Quỳnh Như (2017). Ảnh hưởng của levamisole lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng kháng bệnh ở cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 48b: 1-9. DOI:10.22144/ctu.jvn.2017.610
13. Dương Thúy Yên, Bùi Thị Liên Hà, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2017) Những thành tựu trong nghiên cứu chuyển giới tính tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii* De Man, 1879). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 51b: 64-71.
14. Hai, T.N, Huong, H.K., Viet, L.Q., Huong, D.T.T. and **Phuong, N.T.** (2017). Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. Can Tho University Journal of Science. 7: 82-90.
15. Nguyễn Thị Kim Hà, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Trần Phương Thảo, Trần Thị Phương Hằng, Mark Bayley (2017). Ảnh hưởng của nitrite lên một số chỉ tiêu sinh lý và tăng trưởng của cá ba sa (*Pangasius bocourti*). Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. Số 52:93., DOI:10.22144/ctu.jvn.2017.129
16. T.N. Hai, **N.T. Phuong**, D.T.T. Huong, L.Q. Viet, H.K. Huong (2017). Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. 01/2017; 07:82., DOI:10.22144/ctu.jen.2017.053.
17. Trần Minh Phú, Nguyễn Tâm Em, Nguyễn Quốc Thịnh, Phùng Thị Trúc Hà, Nguyễn Khánh Nam, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2017). Thực trạng sử dụng thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học trong cá điêu hồng (*Oreochromis* sp.) nuôi bè vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 51b: 80-87.
18. Châu Tài Tảo, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2016). Ảnh hưởng của bổ sung chất khoáng lên tăng trưởng, tỷ lệ sống, chất lượng của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 47b: 38-44.
19. Nguyễn Quốc Thịnh, Trần Minh Phú, Caroline Douny, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Patrick Kestemont, Nguyễn Văn Quý, Hồ Thị Bích Tuyền và Marie-Louise Scippo (2016). Nồng độ quinalphos trong nước, cá chép (*Cyprinus*

carpio) và cá mè vinh (*Barbonymus gonionotus*) trong mô hình lúa cá kết hợp. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44b: 58-65.

20. Vu Ngoc Ut, Huynh Truong Giang, Truong Quoc Phu, Jack Morales, **Nguyen Thanh Phuong** (2016). Assessment of water quality in catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) production systems in the mekong delta. DOI:10.22144/ctu.jen.2016.107
21. Bùi Thị Bích Hằng, **Nguyễn Thanh Phương**, Phạm Văn Thi, Nguyễn Minh Tân, Trương Quỳnh Như (2015). Ảnh hưởng của vitamin C lên một số yếu tố miễn dịch không đặc hiệu và khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 39: 85-91
22. Le Quoc Viet, Tran Ngoc Hai, **Nguyen Thanh Phuong** (2015). Technical aspects and economic benefits of the juvenile crab nursery in lining tank in Nam Can district, Ca Mau province. Journal of Marine Science and Technology. 09/2015; 15(3). DOI:10.15625/1859-3097/15/3/5780
23. Trần Thị Tuyết Hoa, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Phạm Thị Thanh Phuong (2015). Tác động của Cypermethrin và nhiệt độ lên biến đổi mô gan tụy tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 36: 107-115
24. Võ Nam Sơn, **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Ngọc Hải, Lý Văn Khánh, Phan Thanh Lâm, Nguyễn Dương Anh (2015). Khảo sát thành phần dinh dưỡng và lợi ích sử dụng bùn đáy ao nuôi cá tra trong nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 38: 116-123.

- Tạp chí Quốc tế: 38 bài

1. Dao NTA, Phu TM, Douny C, Joëlle Q-L, Hue BTB, Bach LT, Nhu TQ, Hang BTB, Huong DTT, **Phuong NT**, Kestemont P. and Scippo, ML (2020). Screening and comparative study of in vitro antioxidant and antimicrobial activities of ethanolic extracts of selected Vietnamese plants. International Journal of Food Properties, 23(1):481-496 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 0,82)
2. Gam LTH, Huong DTT, Tuong DD, **Phuong NT**, Jensen FB, Wang T and Bayley M (2020). Effects of temperature on acid–base regulation, gill ventilation and air breathing in the clown knifefish, *Chitala ornata* (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,017)
3. Goodrich HR, Bayley M, Birgersson L, Davison WG, Johannsson OE, Kim AB, Phuong LM, Tinh TH, **Phuong NT**, Huong DTT and Wood CM (2020). Understanding the gastrointestinal physiology and responses to feeding in air breathing Anabantiform fishes. J Fish Biol., 1-18 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 2,038)
4. **Huong DTT**, Lek S, Ut VN and **Phuong NT** (2020). Effects of nitrite at different temperatures on physiological parameters and growth in clown knifefish (*Chitala ornata*, Gray 1831. Aquaculture, 521:735060 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,022)
5. Damsgaard C, Lauridsen H, Funder AMD, Thomsen JS, Desvignes T, Crossley II DA, Møller PR, Huong DTT, **Phuong NT**, Detrich III HW, Brüel A, Wilkens H, Warrant E, Wang T, Nyengaard JR, Berenbrink M and Bayley M (2019). Retinal oxygen supply shaped the functional evolution of the vertebrate eye. eLIFE, 1-24 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 7,551)
6. Nhu TQ, Hang BTB, Bach LT, Hue BTB, Quetin-Leclercq J, Scippo M-L, **Phuong NT**, Kestemont P. (2019) Plant extract-based diets differently modulate immune responses and resistance to bacterial infection in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). Fish and Shellfish Immunology 92:913–924. (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,298)

7. Brunton LA, Desbois AP, Garza M, Wieland B, Mohan CV, Häsler B, Tam CC, Phuc NTL, **Phuong NT**, Van PT, Hung NV, Eltholth MM, Dang PK, Phuc PD, Linh NT, Rich KM, Mateus ALP, Hoque MdA, Ahad A, Khan MNA, Adams A, Guitian J. (2019) Identifying hotspots for antibiotic resistance emergence and selection, and elucidating pathways to human exposure: Application of a systems-thinking approach to aquaculture systems. *Science of the Total Environment* 687 (2019) 1344–1356 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 5,589)
8. Tran Phu TM, Em NT, Think NT, **Phuong NT**, Dalgaard A, Scippo L-M, Devreese M, Croubels S. (2019) Pharmacokinetics and muscle residue depletion of amoxicillin in cage cultured hybrid red tilapia (*Oreochromis mossambicus*×*Oreochromis niloticus*). *Aquaculture* 505:206–211 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,022)
9. Hoa TTT, Nakayama T, Huyen HM, Harada K, Hinenoya A, **Phuong NT** and Yamamoto Y. (2019). Extended-spectrum beta-lactamase-producing *Escherichia coli* harbouring *sul* and *mcr-1* genes isolates from fish gut contents in the Mekong Delta, Vietnam. *Lett Appl Microbiol.* (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 1,805)
10. Tuong DD, **Huong DTT**, Phuong NT, Bayley M, Milsom WK (2019) Ventilatory Responses of the Clown Knifefish, *Chitala ornata* to Arterial Hypercapnia Remain After Gill Denervation. *Journal of Comparative Physiology.* 189:673–683 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 2,341)
11. Ha NTK, **Huong DTT**, Phuong NT, Bayley M and Jensen FB (2019). Impact and tissue metabolism of nitrite at two acclimation temperatures in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Aquatic Toxicology*, 212, 154–161 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,794)
12. Nhu TQ, Hang BTB, Vinikas A, Bach LT, Hue BTB, **Huong DTT**, Joëlle Q-L, Scippo M-L, Phuong NT and Kestemont P (2019). Screening of immuno-modulatory potential of different herbal plant extracts using striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) leukocyte-based in vitro tests. *Fish and Shellfish Immunology*, 93:296-307 (*IF*₂₀₁₉₋₂₀₁₉: 3,298)
13. Yanagitsuru YR, Hewitt CR, Gam LTH, Linh PP, Rodgers EM, Wang T, Bayley M, **Huong DTT**, Phuong NT and Brauner CJ (2019). Effect of water pH and calcium on ion balance in five fish species of the Mekong Delta. *Comparative Biochemistry and Physiology, Part A*, 232, 34–39 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 2,142)
14. Think PV, **Huong DTT**, Gam LTH, Damsgaard C, Phuong NT, Bayley M, and Wang T (2019). Renal acid excretion contributes to acid-base regulation during hypercapnia in air-exposed swamp eel (*Monopterus albus*). *Journal of Experimental Biology*, jeb.198259 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,179)
15. Sackville MA, Shartau RB, Damsgaard C, Hvas M, Phuong LM, Wang T, Bayley M, **Huong DTT**, Phuong NT and Brauner CJ (2018). Water pH limits extracellular but not intracellular pH compensation in the CO₂ tolerant freshwater fish, *Pangasianodon hypophthalmus*. *Journal of Experimental Biology*, 221(23) (*IF*₂₀₁₈: 3,179)
16. Think NQ, Phu TM, Douny C, Phuong NT, **Huong DTT**, Kestemont P and Scippo M-L (2018). Bioconcentration and half-life of quinalphos pesticide in rice-fish integration system in the Mekong Delta, Vietnam. *Journal of environmental science and health, Part B.* 53(1): 35-41 (*IF*₂₀₁₈: 1,463)
17. Gam LTH, Jensen FB, **Huong DTT**, Phuong NT and Bayley M (2018). The effects of elevated environmental CO₂ on nitrite uptake in the air-breathing clown knifefish, *Chitala ornata*. *Aquatic Toxicology.* 196, 124–131 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,794)

18. Tuong DD, Borowiec B, Clifford AM, Filogonio R, Somo D, Huong DTT, **Phuong NT**, Wang T, Bayley M and Milsom WK (2018). Ventilatory responses of the clown knifefish, *Chitala ornata*, to hypercarbia and hypercapnia. *Journal of Comparative Physiology B*, 188(4), 581–589 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 2,341)
19. Gam LTH, Jensen FB, Huong DTT, **Phuong NT**, Bayley M. (2018). The effects of elevated environmental CO₂ on nitrite uptake in the air-breathing clown knifefish, *Chitala ornata*. *Aquatic toxicology (Amsterdam, Netherlands)* 01/2018; 196:124-131., DOI:10.1016/j.aquatox.2018.01.011 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,794)
20. Thinh PV, **Phuong NT**, Brauner CJ, Huong DTT, Wood AT, Kwan GT, Conner JL, Bayley M, Wang T. (2018). Acid-base regulation in the air-breathing swamp eel (*Monopterus albus*) at different temperatures. *Journal of Experimental Biology*; DOI:10.1242/jeb.172551 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 3,017)
21. Quoc Thinh Nguyen, Caroline Douny, Minh Phu Tran, Francois Brose, **Phuong Thanh Nguyen**, Do Thi Thanh Huong, Patrick Kestemont, Marie-Louise Scippo (2018). Screening of quinalphos, trifluralin and dichlorvos residues in fresh water of aquaculture systems in Mekong Delta, Vietnam. *Aquaculture Research*. DOI:10.1111/are.13890 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 1,502)
22. Giang HT, Chi C-C, **Phuong NT**, Hien TTTT, Cheng A-C, Liu C-H (2018). Effects of synbiotic containing *Lactobacillus plantarum* 7–40 and galactooligosaccharide on the growth performance of white shrimp, *Litopenaeus vannamei*. *Aquaculture Research* 04/2018; DOI:10.1111/are.13701 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 1,502)
23. Dang Diem Tuong, Tran Bao Ngoc, Vo Thi Nhu Huynh, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tran Ngoc Hai, Tobias Wang, Mark Bayley (2018). Clown knifefish (*Chitala ornata*) oxygen uptake and its partitioning in present and future temperature environments. *Comparative biochemistry and physiology. Part A, Molecular & integrative physiology* 12/2017; 216., DOI:10.1016/j.cbpa.2017.11.018 (*IF*₂₀₁₈₋₂₀₁₉: 2,142)
24. Gam LTH, Jensen FB, Damsgaard C, **Huong DTT**, Phuong NT and Bayley M (2017). Extreme nitrite tolerance in the clown knifefish *Chitala ornata* is linked to up-regulation of methaemoglobin reductase activity. *Aquatic Toxicology*, 187, 9–17 (*IF*₂₀₁₇: 3,884)
25. Nguyen Quoc Thinh, Tran Minh Phu, Caroline Douny, **Nguyen Thanh Phuong**, Do Thi Thanh Huong, Patrick Kestemont, Marie-Louise Scippo (2017). Bioconcentration and half-life of quinalphos pesticide in rice-fish integration system in the Mekong Delta, Vietnam. *Journal of Environmental Science and Health Part B*. 53(1):1-7. DOI:10.1080/03601234.2017.1371551 (*IF*₂₀₁₇: 1,273)
26. Nguyen Van Sy, Kazuo Harada, Megumi Asayama, Minae Warisaya, Le Hong Dung, Yoshinori Sumimura, Khong Thi Diep, Le Viet Ha, Nguyen Nam Thang, Tran Thi Tuyet Hoa, Tran Minh Phu, Pham Ngoc Khai, **Nguyen Thanh Phuong**, Le Danh Tuyen, Yoshimasa Yamamoto, Kazumasa Hirata (2017). Residues of 2-hydroxy-3-phenylpyrazine, a degradation product of some β -lactam antibiotics, in environmental water in Vietnam. *Chemosphere*. 172:355-362., DOI:10.1016/j.chemosphere.2016.12.156 (*IF*₂₀₁₇: 4,427).
27. Tatsuya Nakayama, Tran Thi Tuyet Hoa, Kazuo Harada, Minae Warisaya, Megumi Asayama, Atsushi Hinenoya, Joon Won Lee, Tran Minh Phu, Shuhei Ueda, Yoshinori Sumimura, Kazumasa Hirata, **Nguyen Thanh Phuong**, Yoshimasa Yamamoto (2017). Water metagenomic analysis reveals low bacterial diversity and the presence of antimicrobial residues and resistance genes in a river containing

- wastewater from backyard aquacultures in the Mekong Delta, Vietnam. *Environmental Pollution*. 222. DOI:10.1016/j.envpol.2016.12.041 (*IF*₂₀₁₇: 4,358).
28. Truong-Giang Huynh, Ya-Li Shiu, **Thanh-Phuong Nguyen**, Quoc-Phu Truong, Jiann-Chu Chen, Chun-Hung Liu (2017). Current applications, selection, and possible mechanisms of actions of synbiotics in improving the growth and health status in aquaculture: A review. *Fish & Shellfish Immunology*. 64. DOI:10.1016/j.fsi.2017.03.035 (*IF*₂₀₁₇: 3,185).
 29. Matthew D Regan, Andy J Turko, Joseph Heras, Mads Kuhlmann Andersen, Sjannie Lefevre, Tobias Wang, Mark Bayley, Colin J Brauner, Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, E Nilsson (2016). Ambient CO₂, fish behaviour and altered GABAergic neurotransmission: exploring the mechanism of CO₂-altered behaviour by taking a hypercapnia dweller down to low CO₂ levels. *Journal of Experimental Biology*. 219(1). DOI:10.1242/jeb.131375 (*IF*₂₀₁₆: 3,320).
 30. Nguyen Thi Ngoc Hon, Tran Thi Tuyet Hoa, Nguyen Quoc Thinh, Atsushi Hinenoya, Tatsuya Nakayama, Kazuo Harada, Megumi Asayama, Minae Warisaya, Kazumasa Hirata, **Nguyen Thanh Phuong**, Yoshimasa Yamamoto (2016). Spread of antibiotic and antimicrobial susceptibility of ESBL-producing *Escherichia coli* isolated from wild and cultured fish in the Mekong Delta, Vietnam. *Fish Pathology*. 51(Special-issue):S75-S82., DOI:10.3147/jsfp.51.S75. (*IF*₂₀₁₆: 0,673)
 31. Yuichi Kano, David Dudgeon, So Nam, Hiromitsu Samejima, Katsutoshi Watanabe, Chaiwut Grudpan, Jarungjit Grudpan, Wichan Magtoon, Prachya Musikasinthorn, **Phuong Thanh Nguyen**, Bounthob Praxaysonbath, Tomoyuki Sato, Koichi Shibukawa, Yukihiko Shimatani, Apinun Suvarnaraksha, Wataru Tanaka, Phanara Thach, Dac Dinh Tran, Tomomi Yamashita, Kenzo Utsugi (2016). Impacts of dams and global warming on fish biodiversity in the indo-burma hotspot. *PLoS ONE*. 11(8)., DOI:10.1371/journal.pone.0160151 (*IF*₂₀₁₆: 2,806)
 32. Margot Andrieu, Andreu Rico, Tran Minh Phu, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Paul J Van den Brink (2015). Ecological risk assessment of the antibiotic enrofloxacin applied to Pangasius catfish farms in the Mekong Delta, Vietnam. *Chemosphere*. Volume: 119; Pages: 407-414. (*IF*₂₀₁₅: 3,698)
 33. Pham Minh Duc, Tran Thi Tuyet Hoa, **Nguyen Thanh Phuong**, R.H. Bosma, Huynh Van Hien, Tran Ngoc Tuan (2015). Virus diseases risk-factors associated with shrimp farming practices in rice-shrimp and intensive culture systems in Mekong Delta Viet Nam. *International Journal of Scientific and Research Publications*. Volume 5, Issue 8.
 34. Rasmus Ern, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Peter Teglbjerg Madsen, Tobias Wang, Mark Bayley (2015). Some like it hot: Thermal tolerance and oxygen supply capacity in two eurythermal crustaceans. *Scientific Reports* 06/2015; 5. DOI:10.1038/srep10743 (*IF*₂₀₁₅: 5,228)
 35. Tran Minh Phu, Caroline Douny, Marie-Louise Scippo, Edwin De Pauw, Nguyen Quoc Thinh, Do Thi Thanh Huong, Huynh Phuoc Vinh, **Nguyen Thanh Phuong**, Anders Dalgaard (2015). Elimination of enrofloxacin in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) following on-farm treatment. *Aquaculture* 438: 1–5. DOI:10.1016/j.aquaculture.2014.12.032 (*IF*₂₀₁₅: 1,893)
 36. Tran Minh Phu, Marie-Louise Scippo, **Nguyen Thanh Phuong**, Cao Thi Kieu Tien, Co Hong Son, Anders Dalgaard (2015). Withdrawal time for sulfamethoxazole and trimethoprim following treatment of striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) and hybrid red tilapia (*Oreochromis mossambicus* x *Oreochromis niloticus*). *Aquaculture*. 437:256–262. DOI:10.1016/j.aquaculture.2014.12.009 (*IF*₂₀₁₅: 1,893)

37. Tran Minh Phu, **Nguyen Thanh Phuong**, Marie-Louise Scippo, Anders Dalsgaard (2015). Quality of antimicrobial products used in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) aquaculture in Vietnam. PLoS ONE 04/2015; 10(4):e0124267. DOI:10.1371/journal.pone.0124267 (*IF*₂₀₁₅: 3,057)
38. Tran Minh Phu, **Nguyen Thanh Phuong**, Tu Thanh Dung, Dao Minh Hai, Vo Nam Son, Andreu Rico, Jesper Hedegaard Clausen, Henry Madsen, Francis Murray, Anders Dalsgaard (2015). An evaluation of fish health-management practices and occupational health hazards associated with *Pangasius* catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) aquaculture in the Mekong Delta, Vietnam. Aquaculture Research 03/2015; 47(9)., DOI:10.1111/are.12728 (*IF*₂₀₁₅: 1,606).

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 02 cấp Nhà nước; 11 cấp Bộ và tương đương; và 15 đề tài hợp tác quốc tế.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

TT	Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Quản lý bùn thải trong ao nuôi cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (SuPA)	2014-2016	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
2.	Nuôi trồng thủy sản bền vững đáp ứng chuẩn thương mại (SEAT)	2010-2016	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
3.	Cải thiện giải pháp quản lý và an toàn trong sử dụng hóa chất nhằm phát triển bền vững nghề nuôi thủy sản nước ngọt ở đồng bằng sông Cửu Long (CUD)	2009-2014	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
4.	Biến đổi khí hậu trong Nuôi trồng Thủy sản (iAQUA)	2013-2019	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
5.	Phát triển chương trình đào tạo về an toàn môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học ở Đông Nam Á (CONSEA)	2016-2019	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
6.	Phát triển sản phẩm chứa hoạt chất sinh học thực vật tự nhiên cho nghề nuôi thủy sản thân thiện với môi trường	2015-2020	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
7.	Thích ứng và đổi mới sáng tạo của nghề nuôi thủy sản vùng Mekong (Aquadapt-Mekong)	2017- 2020	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 01 sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: 00 tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: 00 thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*): Không

Giấy chứng nhận là đồng tác quyền của công nghệ ‘A process for determining maturity by using anti serum against shrimp egg yolk protein’, ngày cấp 27/04/2011, Mã số: 3529363. Cơ quan quản lý quyền sở hữu trí tuệ của Nhật Bản (tiếng Nhật).

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 15 NCS đã hướng dẫn chính/đồng hướng dẫn ngoài nước (5 trong nước và 10 ngoài nước)

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kể với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

- 1) Phạm Thị Thu Hồng. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) ở đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ. 2017. Hướng dẫn chính.
- 2) Lê Thị Hồng Gấm. Effects of nitrite, temperature and hypercapnia on physiological processes and growth in clown knifefish (*Chitala ornata*, Gray 1831). Trường Đại học Cần Thơ. 2019. Hướng dẫn chính.
- 3) Phan Vĩnh Thịnh. Ảnh hưởng của CO₂, nhiệt độ và nitrit lên sự cân bằng axit - bazơ và các chỉ tiêu sinh lý máu của lươn đồng *Monopterus albus* (Zuiew, 1793). Trường Đại học Cần Thơ. 2019. Hướng dẫn chính.
- 4) Nguyễn Quốc Thịnh. Use of pesticides in freshwater aquaculture in the Mekong Delta, Vietnam, and impacts on environment and food safety. 2018. Trường Đại học Ligie (Bi). Đồng hướng dẫn (co-promotor).
- 5) Trần Minh Phú. Chemical use, antimicrobial quality and withdrawal time in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) aquaculture in Mekong delta, Vietnam. 2015. University of Copenhagen (Denmark). Đồng hướng dẫn (co-promotor).

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (*Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...)*:

a) Sách và giáo trình

- 1) **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Ngọc Hải, Trần Thị Thanh Hiền, Marcy Wider, 2003. Nguyên lý và kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*). NXB Nông Nghiệp TP HCM, 2003. Giấy chấp nhận đề tài xuất bản số 121/XB-QLXB – CXB cấp ngày 28/01/2003. Nộp lưu chiều Quý IV, 2003
- 2) Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương**, 2009. Nguyên lý và kỹ thuật nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*). NXB Nông Nghiệp TP HCM, 2009. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 86-2009/CXB/ 148-02/NN, do CXB cấp ngày 02/02/2009. Nộp lưu chiều Quý II, 2009. 203 trang.
- 3) **Nguyễn Thanh Phương** (chủ biên), Nguyễn Anh Tuấn, Trần Ngọc Hải, Võ Nam Sơn, Dương Nhựt Long, 2014. Giáo trình Nuôi trồng Thủy sản. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2014. Giấy phép xuất bản 922-2014/CXB/1-13/NXB ĐHCT. ISBN 978-604-919-223-4, Nộp lưu chuyên tháng 6/2014. 188 trang.

- 4) **Nguyễn Thanh Phương** và Nguyễn Anh Tuấn (Chủ biên) (2016). Nuôi cá tra *Pangasianodon hypophthalmus* ở đồng bằng sông Cửu Long: Thành công và thách thức trong phát triển bền vững. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. Quyết định xuất bản số: 14/QĐ-NXB ĐHCT, cấp ngày 08.03.2016. ISBN: 978-604-919-652-2 In xong và nộp lưu chiểu quy 1 năm 2016
- 5) Võ Nam Sơn (Chủ biên), **Nguyễn Thanh Phương** và Đỗ Thị Thanh Hương. 2015. Thống kê ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. Quyết định xuất bản số 49/QĐ-XB-ĐHCT ngày 14.05.2015. In xong và nộp lưu chiểu Quý 2/2015
- 6) Võ Nam Sơn và **Nguyễn Thanh Phương**. 2016. Thống kê đa biến ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. Quyết định xuất bản số 61/QĐ-XB-ĐHCT ngày 29.04.2016. In xong và nộp lưu chiểu Quý 2/2016
- 7) Trần Ngọc Hải (Chủ biên), Châu Tài Tảo, **Nguyễn Thanh Phương**, 2017. Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác. Nhà Xuất Bản Đại Học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 157-2017/CXBIPH/30-03/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-833-5. Nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2017. 211 trang
- 8) Trần Ngọc Hải, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, **Nguyễn Thanh Phương**, 2017. Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển. Nhà Xuất Bản Đại học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3366-2017/CXBIPH/1-105/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-937-0. Nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2017. 139 trang.

b) Chương sách (book chapter)

1. **Nguyen, T.P.** 2013. On-farm feed management practices for striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) in Mekong River Delta, Viet Nam. In: M.R. Hasan and M.B. New, eds. On-farm feeding and feed management in aquaculture. FAO Fisheries and Aquaculture Technical Paper No. 583. Rome, FAO. pp. 241–267.
2. **Phuong, N.T.**, B.M. Tam, N.A. Tuan and S. De Sila (2013). Developments in hatchery technology for striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). In: G. Allan and G. Burnell (eds). Advances in aquaculture hatchery technology. Woodhead Publishing Limited, pp: 498-518.
3. Davy, F.B., Soto, D., Bhat, V., Umesh, N.R., Yucel-Gier, G., Hough, C.A.M., Derun, Y., Infante, R., Ingram, B., **Phuong, N.T.**, Wilkinson, S. & De Silva, S.S. (2012). Investing in knowledge, communications and training/extension for responsible aquaculture. In: R.P. Subasinghe, J.R. Arthur, D.M. Bartley, S.S. De Silva, M. Halwart, N. Hishamunda, C.V. Mohan & P. Sorgeloos (eds). Farming the Waters for People and Food. Proceedings of the Global Conference on Aquaculture 2010, Phuket, Thailand. 22–25 September 2010. pp. 569–625. FAO, Rome and NACA, Bangkok.
4. **Phuong, NT** and D.T.H. Oanh (2009). Striped Catfish Aquaculture in Vietnam: A Decade of Unprecedented Development. In: Sena S. De Silva and F. Brian Davy (eds). Success Stories in Asian Aquaculture. Springer. pp: 133-150.
5. **Phuong, N.T.**, Sinh, L.X., Thinh, N.Q., Chau, H.H., Anh, C.T. and Hau, N.M. (2007). Economics of aquaculture feeding practices: Viet Nam. In: M.R. Hasan (ed.). Economics of aquaculture feeding practices in selected Asian countries. FAO Fisheries Technical Paper. No. 505. Rome, FAO. 2007. pp. 183–205.
6. Marcy N Wilder, **N.T. Phuong**, T.N. Hai, T.T.T. Hien, T.V. Bui, D.T.T. Huong, V.N. Son, Yoshinori Morooka, Yutaka Fukuda (2007). Development, dissemination and evaluation of freshwater prawn seed production and culture technology in the Mekong Delta region of Vietnam. In: Yamada R. and S Yamasaki (Eds), Development of

Technologies and Sustainable Farming Systems in the Mekong Delta of Vietnam. JIRCAS Working Report No. 55, ISSN 1341-710X. pp. 47-56

7. Oanh D.T.H., **N.T. Phuong** (2005). Prevalence of White Spot Syndrome Virus (WSSV) and Monodon Baculovirus (MBV) infection in *Penaeus monodon* postlarvae in Vietnam. *In: P. Walker, R. Lester and M.G. Bondad-Reantaso (eds). Diseases in Asian Aquaculture V*, pp. 395-404. Fish Health Section, Asian Fisheries Society, Manila.
8. Hoa, T.T., R A. Hodgson, D.T. Oanh, **N. T Phuong**, N. J Preston and P.K. Walker. 2005. Genotypic variations in tandem repeat DNA segments between ribonucleotide reductase subunit genes of White Spot Syndrome Virus (WSSV) isolates from Vietnam. *In P. Walker, R. Lester and M.G. Bondad-Reantaso (eds). Diseases in Asian Aquaculture V*, pp. 339-351. Fish Health Section, Asian Fisheries Society, Manila.
9. Minh, T.H, C.J. Jackson, T.T.T. Hoa, L.B. Ngoc, N. Preston and **N.T. Phuong** (2003). The shrimp pond environment: factor effecting the shrimp production. Part A: Growth and survival of *Penaeus monodon* in relation to the physical condition in rice-shrimp ponds in the Mekong delta. *In: Rice-shrimp farming in the Mekong delta: biophysical and socioeconomic issues. ACIAR Techincal reports 52*. pp: 27-34.
10. **Phuong, N.T.**, D.N. Long, L. Varadi, Z. Jeney and F. Pekar (2002). Chapter 19: Farmer-managed trials and extension of rural aquaculture in the Mekong Delta, Viet Nam. *In: P. Edwards, D. Little and H. Demaine (eds.). Rural aquaculture. CAB International*. pp: 276-283.

c) Bài báo khoa học

- Trong nước

1. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên, Nguyễn Thanh Phương và Vũ Ngọc Út (2020). Biến động mật độ *Bacillus*, *Lactobacillus* và *Vibrio* trong bùn ở tuyến sông Mỹ Thanh, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 56(1B): 177-186.
2. Đỗ Văn Bức, Đỗ Thị Thanh Hương, Châu Tài Tảo, Trần Ngọc Hải, Atsushi Ishimatsu và Nguyễn Thanh Phương (2019). Ảnh hưởng của CO₂ lên tỉ lệ sống, tăng trưởng, enzyme tiêu hóa và glucose của tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) giai đoạn tôm bột đến tôm giống. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 55(3B): 58-66.
3. Võ Nam Sơn, Đào Minh Hải, Nguyễn Thế Diễn, Vũ Văn Thùy, Đinh Xuân Lập, Nguyễn Đỗ Quỳnh và Nguyễn Thanh Phương (2019). Phân tích hiệu quả sản xuất và sử dụng năng lượng điện trong nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) và thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) thâm canh và quảng canh cải tiến ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 55(1B): 69-79.
4. Đỗ Văn Bức, Đỗ Thị Thanh Hương, Châu Tài Tảo, Atsushi Ishimatsu và Nguyễn Thanh Phương, 2018. Ảnh hưởng của nhiệt độ cao lên tăng trưởng, tỉ lệ sống, glucose và enzyme tiêu hóa của tôm sú (*Penaeus monodon* Fabricius, 1798) giai đoạn Postlarvae 15 đến Juvenile. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 54(Số chuyên đề: Thủy sản) (1): 99-107.
5. Gam, LTH, Vu, NTT, Nhu, PN, Phuong, NT and Huong, DTT (2018). Effects of nitrite exposure on haematological parameters and growth in clown knifefish (*Chitala ornata*, Gray 1831). *Can Tho University Journal of Science*. 54(2): 1-8.
DOI:10.22144/ctu.jen.2018.001

6. Ha, N.T.K., Bieu, N.T.X., Phuong, N.T. and Huong, D.T.T. (2018). Effect of CO₂ on acid-base regulation and growth performance of basa catfish (*Pangasius bocourti*). Can Tho University Journal of Science. 54(2): 18-26.
7. Khanh, L.V., Hai, **T.N., Phuong**, N.T. and Son, V.N. (2018). Effects of different C:N ratios on growth and survival of spotted scat (*Scatophagus argus*) in the biofloc system. Can Tho University Journal of Science. 54(8): 105-113.
8. Lê Thị Bạch, **Nguyễn Thanh Phương**, Bùi Thị Bửu Huệ, Nguyễn Trọng Tuân, Patrick Kestemont, Joelle Leclercq, Lê Tiến Dũng (2018). Protective effect of pancreatic β -cells MIN6 by some medicinal plants in the Mekong Delta. Vietnam Journal of Chemistry 56(5): 636-640. DOI: 10.1002/vjch.201800062
9. Phan Vĩnh Thịnh, Đỗ Thị Thanh Hương, Mark Bayley, Tobias Wang và **Nguyễn Thanh Phương** (2018). Ảnh hưởng của nồng độ CO₂ cao trong nước lên cân bằng acid và base của lươn đồng, *Monopterus albus* (Zuiew, 1973). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3B): 138-146.
10. Trương Quỳnh Như, **Nguyễn Thanh Phương** và Bùi Thị Bích Hằng (2018). Ảnh hưởng của chiết xuất ôi (*Psidium guajava*) và diệp hạ châu (*Phyllanthus amarus*) lên đáp ứng miễn dịch của tế bào bạch cầu cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Thủy sản)(2): 135-142.
11. Võ Nam Sơn, Bành Văn Nhân, Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2018). Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến và tôm - lúa tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3B): 164-176.
12. Bùi Thị Bích Hằng, **Nguyễn Thanh Phương**, Le Van Teo, Trương Quỳnh Như (2017). Ảnh hưởng của levamisole lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng kháng bệnh ở cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 48b: 1-9. DOI:10.22144/ctu.jvn.2017.610
13. Dương Thúy Yên, Bùi Thị Liên Hà, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2017) Những thành tựu trong nghiên cứu chuyển giới tính tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii* De Man, 1879). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 51b: 64-71.
14. Hai, T.N, Huong, H.K., Viet, L.Q., Huong, D.T.T. and **Phuong, N.T.** (2017). Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. Can Tho University Journal of Science. 7: 82-90.
15. Nguyễn Thị Kim Hà, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Trần Phương Thảo, Trần Thị Phương Hằng, Mark Bayley (2017). Ảnh hưởng của nitrite lên một số chỉ tiêu sinh lý và tăng trưởng của cá ba sa (*Pangasius bocourti*). Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. Số 52:93., DOI:10.22144/ctu.jvn.2017.129
16. T.N. Hai, **N.T. Phuong**, D.T.T. Huong, L.Q. Viet, H.K. Huong (2017). Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. 01/2017; 07:82., DOI:10.22144/ctu.jen.2017.053.
17. Trần Minh Phú, Nguyễn Tâm Em, Nguyễn Quốc Thịnh, Phùng Thị Trúc Hà, Nguyễn Khánh Nam, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2017). Thực trạng sử dụng thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học trong cá điêu hồng (*Oreochromis* sp.) nuôi bè vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 51b: 80-87.

18. Châu Tài Tảo, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2016). Ảnh hưởng của bổ sung chất khoáng lên tăng trưởng, tỷ lệ sống, chất lượng của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 47b: 38-44.
19. Nguyễn Quốc Thịnh, Trần Minh Phú, Caroline Douny, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Patrick Kestemont, Nguyễn Văn Quý, Hồ Thị Bích Tuyền và Marie-Louise Scippo (2016). Nồng độ quinalphos trong nước, cá chép (*Cyprinus carpio*) và cá mè vinh (*Barbonymus gonionotus*) trong mô hình lúa cá kết hợp. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44b: 58-65.
20. Vu Ngoc Ut, Huynh Truong Giang, Truong Quoc Phu, Jack Morales, **Nguyen Thanh Phuong** (2016). Assessment of water quality in catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) production systems in the mekong delta. DOI:10.22144/ctu.jen.2016.107
21. Bùi Thị Bích Hằng, **Nguyễn Thanh Phương**, Phạm Văn Thi, Nguyễn Minh Tân, Trương Quỳnh Như (2015). Ảnh hưởng của vitamin C lên một số yếu tố miễn dịch không đặc hiệu và khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 39: 85-91
22. Le Quoc Viet, Tran Ngoc Hai, **Nguyen Thanh Phuong** (2015). Technical aspects and economic benefits of the juvenile crab nursery in lining tank in Nam Can district, Ca Mau province. Journal of Marine Science and Technology. 09/2015; 15(3). DOI:10.15625/1859-3097/15/3/5780
23. Trần Thị Tuyết Hoa, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Phạm Thị Thanh Phương (2015). Tác động của Cypermethrin và nhiệt độ lên biến đổi mô gan tụy tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 36: 107-115
24. Võ Nam Sơn, **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Ngọc Hải, Lý Văn Khánh, Phan Thanh Lâm, Nguyễn Dương Anh (2015). Khảo sát thành phần dinh dưỡng và lợi ích sử dụng bùn đáy ao nuôi cá tra trong nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 38: 116-123.
25. Lê Thị Tiểu Mi, Trần Thị Hương Diễm, Nguyễn Thị Kim Hà, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2013). Hoạt tính men tiêu hóa α -amylase, pepsin và sự tiêu hóa thức ăn theo chu kỳ cho ăn gián đoạn ở cá tra giống (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học: Số 25: 200-207.
26. Nguyễn Loan Thảo, Võ Minh Khỏe, Hồ Văn Tỏa, Nguyễn Hồng Ngân, Nguyễn Thị Kim Hà, **Nguyễn Thanh Phương** và Nguyễn Trọng Hồng Phúc (2013). Ảnh hưởng của độ mặn lên sự tăng trưởng và hàm lượng cortisol của cá tra nuôi (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học: 25: 1-10.
27. Châu Tài Tảo, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương và Trần Ngọc Hải (2012). Đánh giá chất lượng hậu ấu trùng tôm sú (*Penaeus monodon*) qua các lần sinh sản của tôm mẹ. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số 23a: 20-30.
28. Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Phân lập và xác định đặc điểm của vi khuẩn *Streptococcus agalactiae* từ cá điêu hồng (*Oreochromis sp.*) bệnh phù mắt và xuất huyết. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22c: 203-212
29. Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Thử nghiệm điều trị bệnh do vi khuẩn *edwardsiella ictaluri* trên cá tra (*Pangasius hypophthalmus*) bằng thuốc

- kháng sinh erythromycin thiocyanate. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22c: 146-154.
30. Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Các bệnh nguy hiểm trên tôm nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22c: 106-118
 31. Trần Thiện Anh, Nguyễn Thị Kim Hà, Nguyễn Quang Trung, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Ảnh hưởng của quinalphos lên men cholinesterase và tăng trưởng của cá mè vinh (*Barbodes gonionotus*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22a: 269-279
 32. Nguyễn Thị Kim Hà, Đoàn Minh Hiếu, Lê Thị Trúc Mơ, Nguyễn Văn Toàn, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Ảnh hưởng của oxy hòa tan lên tăng trưởng và tiêu hóa của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22a: 154-164
 33. Nguyễn Thúy Liễu, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Hà và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Ảnh hưởng của oxy hòa tan lên tăng trưởng, tiêu hao oxy và ngưỡng oxy của cá chép (*Cyprinus carpio*). Tạp chí Khoa học ĐH Cần Thơ. Số: 21b:108-115.
 34. Đặng Thị Hoàng Oanh, Lê Hữu Thôi và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Tối ưu hóa và ứng dụng qui trình phân tích các chỉ tiêu miễn dịch tự nhiên ở tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 21b: 1-9
 35. Đặng Thị Hoàng Oanh, Lê Hữu Thôi và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Đáp ứng miễn dịch tự nhiên của tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) cảm nhiễm vi-rút gây bệnh đốm trắng. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 21b: 1-9.
 36. Châu Tài Tảo, **Nguyễn Thanh Phương** và Trần Ngọc Hải (2011). Ảnh hưởng của axit arachidonic trong thức ăn lên sự thành thực và sinh sản của tôm sú (*Penaeus monodon*) bố mẹ nuôi trong bể lọc tuần hoàn. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 18b: 43-52
 37. Trương Hoàng Minh và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Nghề nuôi cá kèo (*Pseudapocryptes elongatus*, Cuvier 1816) ở tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 18b: 219-227
 38. Nguyễn Thị Quế Trân, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu Kinalux 25EC chứa hoạt chất Quinalphos lên hoạt tính men Cholinesterase (ChE) cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) giống. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 18a: 46-55.
 39. Trần Thị Tuyết Hoa, Đào Bá Cường và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Đặc điểm gen của vi-rút gây bệnh đốm trắng (white spot syndrome virus) phân lập từ hệ thống nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) bán thâm canh. Kỷ yếu Hội nghị khoa học Thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang: 212-220.
 40. Dương Hải Toàn, Lý Tiểu Mi và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Ảnh hưởng của cho ăn gián đoạn và luân phiên lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Kỷ yếu HN khoa học Thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang: 178-190.
 41. Nguyễn Hoàng Xuân, Lý Văn Khánh, **Nguyễn Thanh Phương** và Phạm Thanh Liêm (2011). Sự phát triển ống tiêu hóa của cá nâu (*Scatophagus argus*) giai đoạn bột. Kỷ yếu Hội nghị khoa học Thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang: 191-201.
 42. Trần Thị Tuyết Hoa và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Phát hiện vi-rút gây bệnh đốm trắng (white spot syndrome virus) trong thức ăn nuôi vỗ tôm sú bố mẹ. Kỷ yếu Hội nghị khoa học thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang 221-232.

43. Lý Văn Khánh, Nguyễn Hoàng Xuân, Phạm Thanh Liêm và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Ảnh hưởng của thức ăn lên sinh trưởng và tỉ lệ sống cá nâu (*Scatophagus argus*) giai đoạn 15 ngày tuổi. Kỷ yếu Hội nghị khoa học thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang: 352-360.
44. Nguyễn Chí Lâm, Đỗ Thị Thanh Hương, Vũ Nam Sơn và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Ảnh hưởng của độ mặn lên thay đổi sinh lý và tăng trưởng của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) giống. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 17a:60-69.
45. Trương Hoàng Minh và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Tổng quan nuôi cá kèo (*Pseudapocryptes elongatus*, cuvier 1816) ở tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 18b: 219-227.
46. Châu Tài Tảo, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Biến đổi hàm lượng protein tạo noãn hoàng của tôm sú (*Penaeus monodon*) trong quá trình thành thực và sinh sản. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 14a: 213–221.
47. Đoàn Xuân Diệp, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của hàm lượng oxy hòa tan lên tăng trưởng và tiêu hao oxy cơ sở của tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 14b: 76-89.
48. Đoàn Xuân Diệp, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của độ mặn lên sử dụng thức ăn và tiêu hao oxy cơ sở của tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 14:135-145
49. Lâm Ngọc Bửu, Trần Ngọc Hải, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Khả năng sử dụng cây năn tượng (*Scirpus littoralis*) xử lý dinh dưỡng nước thải từ nuôi tôm. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 14b 56-65.
50. Lâm Trường Ân, Trương Hoàng Minh và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). So sánh hiệu quả tài chính và kỹ thuật trong nuôi cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) giữa vùng nước ngọt và vùng nhiễm mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 14b: 341-353.
51. Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Nghiên cứu biện pháp kích thích cá nâu (*Scatophagus argus*) sinh sản nhân tạo bằng các loại hormon khác nhau. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 14b: 255-262.
52. Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh lý sinh sản của cá nâu (*Scatophagus argus*) ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 14:186-194.
53. Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải, Trần Thị Thanh Hiền và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu (*Scatophagus argus*) từ giai đoạn hương lên giống. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 14b: 90-99.
54. Lý Văn Khánh, Trần Thị Thanh Hiền, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của độ mặn lên sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá nâu giống (*Scatophagus argus*) giai đoạn 2 đến 5 tháng tuổi. Tạp chí Khoa học 2010:14 177-185 Trường Đại học Cần Thơ
55. Nguyễn Thanh Long và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Phân tích khía cạnh tài chính và kỹ thuật của các nghề khai thác thủy sản chủ yếu ở tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 14b: 354-366.
56. **Nguyễn Thanh Phương**, Phương Ngọc Tuyết, Nguyễn Văn Công và Đỗ Thị Thanh

- Hương (2010). Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu Decis lên điều hòa áp suất thẩm thấu và tăng trưởng tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. 2010:14:107-118
57. Nguyễn Thị Kim Hà, Quách Chí Tâm, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của việc sử dụng dipterex lên một số chỉ tiêu huyết học và tăng trưởng của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) giống. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số 16a: 141-150.
 58. Nguyễn Trọng Hồng Phúc, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Hà và **Nguyễn Thanh Phương** Ảnh hưởng của Bassan 50 EC lên khả năng tăng trưởng và hoạt tính men Cholinesterase của cá chép (*Cyprinus carpio*) Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 16b: 221-229.
 59. Nguyễn Trọng Hồng Phúc, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Công và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của fenobucarb lên các chỉ tiêu huyết học và hoạt tính men cholinesterase (ChE) của cá chép (*Cyprinus carpio*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 14b: 175-187.
 60. Phạm Minh Đức, **Nguyễn Thanh Phương** và Trần Ngọc Tuấn (2010): Tổng quan bệnh nấm ở động vật thủy sản. Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ. 16b: 88-97.
 61. Châu Tài Tảo, Hoàng Văn Sứy, Trần Ngọc Hải, **Nguyễn Thanh Phương** (2009). Hiện trạng khai thác và phân bố tôm sú bố mẹ vùng biển phía Nam và Tây Nam ĐBSCL. Tuyên tập Hội nghị toàn quốc Sinh học biển và phát triển bền vững. NXB Khoa học và công nghệ. Trang 202- 208.
 62. Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2009). Độc lực của vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* phân lập từ cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) bệnh mù gan. Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 64-69
 63. Đặng Thị Hoàng Oanh, Hoàng Tuấn, Lê Hữu Thôi và **Nguyễn Thanh Phương** (2009). Nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh đục cơ trên tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) ương nuôi ở Cần Thơ. Kỷ yếu hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc. Công nghệ sinh học phục vụ Nông-Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghiệp, Y-Dược và bảo vệ môi trường. Thái Nguyên, ngày 26-27 tháng 11, 2009. Mã số 04-09/ĐHTN-2009. 293-296.
 64. Đoàn Xuân Diệp, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2009). Ảnh hưởng của độ mặn lên điều hòa áp suất thẩm thấu và tăng trưởng của tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số 11: 206-216.
 65. **Nguyễn Thanh Phương**, Châu Tài Tảo, Trần Ngọc Hải (2009). So sánh sự thành thục và sinh sản của tôm sú (*Penaeus monodon*) có nguồn gốc biển và đầm nuôi trong bể lọc tuần hoàn. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số 11:183-193
 66. Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2009). Hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của các trại sản xuất giống cua biển ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số 12: 279-288.
 67. Trần Việt Tiên, Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2009). Phát triển qui trình mRT-PCR phát hiện đồng thời MrNV, XSV và gen β -actin trên tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*). Kỷ yếu hội nghị khoa học trẻ các trường Đại học khối nông lâm ngư thủy tại Thái Nguyên 26-27 tháng 3, 2009. 438-441.
 68. Bùi Minh Tâm, **Nguyễn Thanh Phương** và Dương Nhật Long (2008). Ảnh hưởng của liều lượng và phương pháp tiêm hcg đến sinh sản bán nhân tạo cá lóc bông (*Channa micropeltes*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 2: 76-81.
 69. Châu Tài Tảo, Hoàng Văn Sứy và **Nguyễn Thanh Phương** (2008). Hiện trạng khai

- thác và sử dụng tôm sú (*Penaeus monodon*) bố mẹ ở Cà Mau. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 2: 188-197.
70. Đặng Thị Hoàng Oanh, Phạm Trần Nguyên Thảo và **Nguyễn Thanh Phương** (2008). Đặc điểm mô bệnh học tôm sú (*Penaeus monodon*) có dấu hiệu bệnh phân trắng nuôi ở một số tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tạp chí khoa học. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 1: 185-191.
 71. Huỳnh Trường Giang, Vũ Ngọc Út và **Nguyễn Thanh Phương** (2008). Biến động các yếu tố môi trường trong ao nuôi cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) thâm canh ở An Giang. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 1:1-9.
 72. **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Thanh Hải và Nguyễn Quang Trung (2008). Ảnh hưởng của mật độ đến năng suất và hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) luân canh với lúa. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 2: 96-105.
 73. **Nguyễn Thanh Phương**, Vũ Nam Sơn và Võ Văn Bé (2008). Phân tích các khía cạnh kỹ thuật và kinh tế mô hình nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) thâm canh rải vụ ở Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 2: 157-167.
 74. Nguyễn Thị Kim Liên, Trần Tấn Huy và **Nguyễn Thanh Phương** (2008). Nuôi luân trùng siêu nhỏ (*Brachionus rotundiformis*) bằng tảo Chlorella và men bánh mì. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. 2008:01: 68-75.
 75. Nguyễn Thị Thu Hằng, Đặng Thụy Mai Thy, Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2008). Khảo sát sự nhiễm ký sinh trùng trên cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) nuôi thâm canh ở tỉnh An Giang. Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ. 1: 204-212.
 76. Nguyễn Thị Thu Hằng, Glenn Allan Bristow, Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2008). Đa dạng sinh học ký sinh trùng trên cá gai (*Gasterosteus aculeatus*) sống trong các môi trường nước ngọt, lợ và mặn ở Hordaland, Na Uy. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 1: 213-221.
 77. Nguyễn Văn Công, Dương Thị Kiều Ngân và **Nguyễn Thanh Phương** (2008). Nhạy cảm của cá lóc (*Channa striata*) mới nở với thuốc trừ sâu chứa hoạt chất Diazinon. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học trường Đại học Cần Thơ. 1: 154-162
 78. Trần Thị Tuyết Hoa, Triệu Thanh Tuấn và **Nguyễn Thanh Phương** (2008). Ứng dụng phương pháp PCR-genotyping (ORF94) trong nghiên cứu vi rút gây bệnh đốm trắng trên tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Nghiên cứu Khoa học trường Đại học Cần Thơ, 1: 163-169.
 79. Đặng Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Minh Hậu và **Nguyễn Thanh Phương**. (2007). Tỷ lệ cảm nhiễm tự nhiên của một số vi-rút gây bệnh trên tôm sú (*Penaeus monodon*) bột thả nuôi ở một số tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ. 7: 193-202
 80. Châu Tài Tảo, Huỳnh Hàn Châu và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Ảnh hưởng của chế độ thay nước lên sinh trưởng và tỉ lệ sống ấu trùng Tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 1. Trang: 268-174
 81. Đặng Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Thị Thu Hằng và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Sưu tập và phân lập vi khuẩn từ mẫu thủy sản nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 2. Trang: 53-61
 82. Đặng Thị Hoàng Oanh, Đoàn Nhật Phương, Nguyễn Thị Thu Hằng và **Nguyễn**

- Thanh Phương** (2006). Xác định vị trí phân loại và khả năng kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn *Vibrio* phát sáng phân lập từ hậu ấu trùng tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 2. Trang: 42-52
83. Huỳnh Thị Tú, Trần Văn Nhi, Trần Văn Bùi, Trần Thị Thanh Hiền và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Tình hình nuôi và sử dụng thức ăn cho cá Tra (*Pangasius hypophthalmus*) nuôi ao và bè ở An Giang. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 1. Trang: 152-157.
84. Huỳnh Thị Tú, Trần Văn Nhi, Trần Văn Bùi, Trần Thị Thanh Hiền và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Tình hình nuôi và sử dụng thức ăn cho cá Tra (*Pangasius hypophthalmus*) nuôi ao và bè ở An Giang. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 1. Trang: 152-157.
85. Huỳnh Thị Tú, **Nguyễn Thanh Phương**, Frédéric Silvestre, Caroline Douny, Châu Tài Tảo, Guy Maghuin-Rogister và Patrick Kestemont (2006). Khảo sát tình hình sử dụng thuốc-hóa chất trong nuôi tôm và sự tồn lưu của Enrofloxacin trong Tôm sú (*Penaeus monodon*): Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 2. 70-78
86. Lý Văn Khánh và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Ảnh hưởng của kích cỡ giống lên năng suất Tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) nuôi trong ruộng vườn ở tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 2. Trang: 144-150
87. Lý Văn Khánh và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Đánh giá hiệu quả của mô hình nuôi tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) luân canh và kết hợp. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số 4: 109-118.
88. **Nguyễn Thanh Phương** và Trần Văn Bùi (2006). Ảnh hưởng của nguồn tôm mẹ lên sức sinh sản và chất lượng ấu trùng Tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 2. Trang: 124-133
89. **Nguyễn Thanh Phương**, Huỳnh Hàn Châu và Châu Tài Tảo (2006). Tình hình sản xuất giống Tôm sú (*Penaeus monodon*) ở tỉnh Cà Mau và thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 2. Trang: 178-186.
90. Nguyễn Văn Công, Nguyễn Xuân Lộc, Lư Thị Hồng Ly và **Nguyễn Thanh Phương** (2006) Ảnh hưởng của Basudin 50EC lên hoạt tính men Cholinesterase và tăng trọng của cá Lóc (*Channa striata*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 2. Trang: 13-23
91. Nguyễn Văn Công, Trần Sỹ Nam, Phạm Ngọc Thanh Hùng và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Ảnh hưởng của nhiệt độ và oxy hòa tan lên độc tính Basudin 50EC trên cá Lóc (*Channa striata*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 2. Trang: 1-12
92. Trần Ngọc Hải, **Nguyễn Thanh Phương**, Nguyễn Anh Tuấn và Phạm Minh Đức (2006). Nuôi cua lột (*Scylla* sp.) trong hệ thống tuần hoàn với các loại thức ăn và mật độ khác nhau. Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Cần Thơ. Trang 159-170
93. Trần Thị Thanh Hiền, Trần Văn Nhi, Trần Lê Cẩm Tú và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Đánh giá việc sử dụng các nguồn nguyên liệu làm thức ăn nuôi cá Tra (*Pangasius hypophthalmus*) bè. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 1. Trang 158-168

94. Trần Thị Thanh Hiền, Trần Văn Nhi, Trần Lê Cẩm Tú và **Nguyễn Thanh Phương** (2006). Đánh giá việc sử dụng các nguồn nguyên liệu làm thức ăn nuôi cá Tra (*Pangasius hypophthalmus*) bè. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số đặc biệt về Thủy sản. Quyển 1. Trang 158-168
95. **Nguyễn Thanh Phương**, Võ Thành Tiêm, Trần Thị Thanh Hiền, Phạm Trần Nguyên Thảo và Lý Văn Khánh (2004). Đặc điểm sinh học sinh sản và phát triển phôi của cá nâu (*Scatophagus argus*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số. 2: 49-57.
96. Nguyễn Anh Tuấn, **Nguyễn Thanh Phương**, Phạm Thanh Liêm và Nguyễn Văn Thường (2003). Kết quả nghiên cứu về cá da trơn và định hướng phát triển trong tương lai. Tạp chí nghề cá Mê-không. Trang 129-134.
97. Trần Ngọc Hải, **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Văn Việt, D. Macintosh và C.M. Stig (2003). Khảo sát sự biến động của giống và tình hình khai thác của giống ở vùng ven biển phía Tây Nam Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Thủy sản, số 3/2003. Trang 23-24.
98. Trần Thị Thanh Hiền, Trần Ngọc Hải, Nguyễn Thanh Phương, Đỗ Thị Thanh Hương, Đặng Thị Hoàng oanh và MN Wilder (2003). Kết quả nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*). Tuyển tập Nghề cá Sông Cửu Long. NXB Nông nghiệp. Trang 230-237.
99. Đặng Thị Hoàng Oanh, Đoàn Nhật Phương và **Nguyễn Thanh Phương** (2002). Xác định LC₅₀ và thử nghiệm vaccine phòng bệnh vi khuẩn (*Aeromonas hydrophila*) trên cá chép (*Cyprio carpio*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Trang 242-251.
100. Trần Ngọc Hải, **Nguyễn Thanh Phương** và Đặng Hữu Tâm (2002). Một số vấn đề về kỹ thuật sản xuất giống tôm biển ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Trang 300-304.
101. Trần Ngọc Hải, **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Thị Thanh Hiền, Nguyễn Lê Hoàng Yến, Lê Bảo Ngọc và Hồ Văn Việt (2002). Thay thế *Artemia* bằng thức ăn chế biến trong ương nuôi ấu trùng tôm càng xanh theo mô hình nước xanh cải tiến. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Trang 305-312.
102. Trần Thị Thanh Hiền, Trần Ngọc Hải, Bùi Thị Bích Hằng, Nguyễn Lê Hoàng Yến, Dương Thuý Yên và **Nguyễn Thanh Phương** (2002). Ảnh hưởng của việc bổ sung các nguồn lipid khác nhau vào thức ăn lên chất lượng tôm càng xanh bố mẹ (*Macrobrachium rosenbergii*). Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Trang 278-286.
103. Lê Xuân Sinh, **Nguyễn Thanh Phương**, Nguyễn Thanh Toàn và Mai Viết Văn (2001). Những mối quan tâm chủ yếu về các khía cạnh kinh tế xã hội của hệ thống canh tác lúa-cá ở đồng bằng sông Cửu Long. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế canh tác lúa-cá. NXB bản Nông nghiệp. Trang 41-53
104. **Nguyễn Thanh Phương**, Bùi Minh Tâm và Dương Nhựt Long (2001). Cải thiện hiệu quả sản xuất ở vùng canh tác lúa qua kết hợp với nuôi thủy sản. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế canh tác lúa-cá. NXB Nông nghiệp. Trang 54-58
105. Thạch Thanh, Trương Trọng Nghĩa và **Nguyễn Thanh Phương** (1999). Cải thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất giống tôm sú (*Penaeus monodon*) trong hệ thống lọc sinh học. Tuyển tập công trình NCKH, Đại học Cần Thơ. Trang 185-190.
106. Thạch Thanh, Trương Trọng Nghĩa và **Nguyễn Thanh Phương** (1999). Sản xuất giống tôm sú (*Penaeus monodon*) trong hệ thống tuần hoàn. Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học trường Đại học Cần Thơ.
107. Trần Ngọc Hải, **Nguyễn Thanh Phương**, Nguyễn Lê Hoàng Yến, Lê Bảo Ngọc và

- Trần Thị Tuyết Hoa (1999). Ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) với các loại thức ăn và chế độ cho ăn khác nhau trong mô hình nước xanh cải tiến. Tuyển tập công trình NCKH, trường Đại học Cần Thơ. Trang 167-171.
108. Trần Thị Thanh Hiền, **Nguyễn Thanh Phương**, Nguyễn Văn Bá, Bùi Thị Bích Hằng và Huỳnh Thị Tú (1999). Nghiên cứu sử dụng cám gạo làm thức ăn cho cá. Tuyển tập công trình NCKH trường Đại học Cần Thơ. Trang 178-184.
109. Trương Quốc Phú, **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Ngọc Hải, Trương Hoàng Minh, Phạm Minh Đức, Lê Bảo Ngọc và S. M. Christensen (1999). Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị về sự thay đổi môi trường vùng ngập nước ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tuyển tập công trình NCKH trường Đại học Cần Thơ. Trang 172-177
110. Lê Xuân Sinh, **Nguyễn Thanh Phương** và Trần Đắc Định (1997). Một số nhận xét chính về kinh tế, xã hội và kỹ thuật các mô hình canh tác kết hợp tôm với rừng ngập mặn ở Lâm – Ngự Trường Tam Giang 3 và 184 tỉnh Cà Mau. Tuyển tập Công trình KHCN trường Đại học Cần Thơ – giai đoạn 1993-97. Trang 176-183.
111. Nguyễn Anh Tuấn, **Nguyễn Thanh Phương** (1997). Những vấn đề về kỹ thuật và kinh tế - xã hội trong mô hình nuôi tôm - rừng ở Huyện Ngọc Hiển (Cà Mau). Tuyển tập báo cáo khoa học Hội nghị sinh học biển toàn quốc lần thứ 1. Trang 444-452
112. Nguyễn Anh Tuấn, **Nguyễn Thanh Phương**, Hà Phước Hùng và J.Y. Weigel (1997). Công nghiệp khai thác hải sản ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tuyển tập Công trình KHCN trường Đại học Cần Thơ, giai đoạn 1993-97. Trang 166-175.
113. **Nguyễn Thanh Phương** và Đỗ Thị Thanh Hương (1997). Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu Methyl parathion lên cá rô phi giống (*Oreochromis niloticus*) nuôi trong ruộng thí nghiệm có trồng lúa. Tuyển tập công trình KHCN trường Đại học Cần Thơ, giai đoạn 1993-1997. Trang 238-244.
114. **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Thị Thanh Hiền và Trần Thị Tuyết Hoa (1997). Xác định nhu cầu chất đạm của hai cỡ cá basa giống (*Pangasius bocourti*). Tuyển tập công trình KHCN trường Đại học Cần Thơ, giai đoạn 1993-97. Trang 184-189.
115. Trần Ngọc Hải, Nguyễn Anh Tuấn, **Nguyễn Thanh Phương** và A. Hassan (1997). Ảnh hưởng của các loại thức ăn khác nhau lên sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của ấu trùng cá lăng (*Mystus nemurus*). Tuyển tập công trình KHCN trường Đại học Cần Thơ, giai đoạn 1993-97. Trang 148-157.

- Quốc tế

1. Dao NTA, Phu TM, Douny C, Joëlle Q-L, Hue BTB, Bach LT, Nhu TQ, Hang BTB, Huong DTT, **Phuong NT**, Kestemont P. and Scippo, ML (2020). Screening and comparative study of in vitro antioxidant and antimicrobial activities of ethanolic extracts of selected Vietnamese plants. International Journal of Food Properties, 23(1):481-496
2. Gam LTH, Huong DTT, Tuong DD, **Phuong NT**, Jensen FB, Wang T and Bayley M (2020). Effects of temperature on acid–base regulation, gill ventilation and air breathing in the clown knifefish, *Chitala ornata*
3. Goodrich HR, Bayley M, Birgersson L, Davison WG, Johannsson OE, Kim AB, Phuong LM, Tinh TH, **Phuong NT**, Huong DTT and Wood CM (2020). Understanding the gastrointestinal physiology and responses to feeding in air breathing Anabantiform fishes. J Fish Biol., 1-18
4. **Huong DTT**, Lek S, Ut VN and **Phuong NT** (2020). Effects of nitrite at different temperatures on physiological parameters and growth in clown knifefish (*Chitala ornata*, Gray 1831. Aquaculture, 521:735060.

5. Brunton LA, Desbois AP, Garza M, Wieland B, Mohan CV, Häsler B, Tam CC, Phuc NTL, **Phuong NT**, Van PT, Hung NV, Eltholth MM, Dang PK, Phuc PD, Linh NT, Rich KM, Mateus ALP, Hoque MdA, Ahad A, Khan MNA, Adams A, Guitian J. (2019) Identifying hotspots for antibiotic resistance emergence and selection, and elucidating pathways to human exposure: Application of a systems-thinking approach to aquaculture systems. *Science of the Total Environment* 687 (2019) 1344–1356
6. Damsgaard C, Lauridsen H, Funder AMD, Thomsen JS, Desvignes T, Crossley II DA, Møller PR, Huong DTT, **Phuong NT**, Detrich III HW, Brüel A, Wilkens H, Warrant E, Wang T, Nyengaard JR, Berenbrink M and Bayley M (2019). Retinal oxygen supply shaped the functional evolution of the vertebrate eye. *eLIFE*, 1-24.
7. Ha NTK, **Huong DTT**, Phuong NT, Bayley M and Jensen FB (2019). Impact and tissue metabolism of nitrite at two acclimation temperatures in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Aquatic Toxicology*, 212, 154–161.
8. Hoa TTT, Nakayama T, Huyen HM, Harada K, Hinenoya A, **Phuong NT** and Yamamoto Y. (2019). Extended-spectrum beta-lactamase-producing *Escherichia coli* harbouring *sul* and *mcr-1* genes isolates from fish gut contents in the Mekong Delta, Vietnam
9. Nhu TQ, Hang BTB, Bach LT, Hue BTB, Quetin-Leclercq J, Scippo M-L, **Phuong NT**, Kestemont P. (2019) Plant extract-based diets differently modulate immune responses and resistance to bacterial infection in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Fish and Shellfish Immunology* 92:913–924.
10. Nhu TQ, Hang BTB, Vinikas A, Bach LT, Hue BTB, **Huong DTT**, Joëlle Q-L, Scippo M-L, Phuong NT and Kestemont P (2019). Screening of immuno-modulatory potential of different herbal plant extracts using striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) leukocyte-based in vitro tests. *Fish and Shellfish Immunology*, 93:296-307
11. Thinh PV, **Huong DTT**, Gam LTH, Damsgaard C, Phuong NT, Bayley M, and Wang T (2019). Renal acid excretion contributes to acid-base regulation during hypercapnia in air-exposed swamp eel (*Monopterus albus*). *Journal of Experimental Biology*, jeb.198259.
12. Tran Phu TM, Em NT, Thinh NT, **Phuong NT**, Dalgaard A, Scippo L-M, Devreese M, Croubels S. (2019) Pharmacokinetics and muscle residue depletion of amoxicillin in cage cultured hybrid red tilapia (*Oreochromis mossambicus*×*Oreochromis niloticus*). *Aquaculture* 505: 206–211.
13. Tuong DD, **Huong DTT**, Phuong NT, Bayley M, Milsom WK (2019) Ventilatory Responses of the Clown Knifefish, *Chitala ornata* to Arterial Hypercapnia Remain After Gill Denervation. *Journal of Comparative Physiology*. 189:673-683
14. Yanagitsuru YR, Hewitt CR, Gam LTH, Linh PP, Rodgers EM, Wang T, Bayley M, **Huong DTT**, Phuong NT and Brauner CJ (2019). Effect of water pH and calcium on ion balance in five fish species of the Mekong Delta. *Comparative Biochemistry and Physiology, Part A*. 232, 34–39.
15. Dang Diem Tuong, Tran Bao Ngoc, Vo Thi Nhu Huynh, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tran Ngoc Hai, Tobias Wang, Mark Bayley (2018). Clown knifefish (*Chitala ornata*) oxygen uptake and its partitioning in present and future temperature environments. *Comparative biochemistry and physiology. Part A, Molecular & integrative physiology* 12/2017; 216., DOI:10.1016/j.cbpa.2017.11.018

16. Gam LTH, Jensen FB, **Huong DTT**, Phuong NT and Bayley M (2018). The effects of elevated environmental CO₂ on nitrite uptake in the air-breathing clown knifefish, *Chitala ornata*. *Aquatic Toxicology*, 196, 124–131.
17. Gam LTH, Jensen FB, Huong DTT, **Phuong NT**, Bayley M. (2018). The effects of elevated environmental CO₂ on nitrite uptake in the air-breathing clown knifefish, *Chitala ornata*. *Aquatic toxicology (Amsterdam, Netherlands)* 01/2018; 196:124-131., DOI:10.1016/j.aquatox.2018.01.011
18. Giang HT, Chi C-C, **Phuong NT**, Hien TTTT, Cheng A-C, Liu C-H (2018). Effects of synbiotic containing *Lactobacillus plantarum* 7–40 and galactooligosaccharide on the growth performance of white shrimp, *Litopenaeus vannamei*. *Aquaculture Research* 04/2018;, DOI:10.1111/are.13701
19. Quoc Thinh Nguyen, Caroline Douny, Minh Phu Tran, Francois Brose, **Phuong Thanh Nguyen**, Do Thi Thanh Huong, Patrick Kestemont, Marie-Louise Scippo (2018). Screening of quinalphos, trifluralin and dichlorvos residues in fresh water of aquaculture systems in Mekong Delta, Vietnam. *Aquaculture Research* 11/2018;, DOI:10.1111/are.13890
20. Sackville MA, Shartau RB, Damsgaard C, Hvas M, Phuong LM, Wang T, Bayley M, **Huong DTT**, Phuong NT and Brauner CJ (2018). Water pH limits extracellular but not intracellular pH compensation in the CO₂ tolerant freshwater fish, *Pangasianodon hypophthalmus*. *Journal of Experimental Biology*. 221(23)
21. Thinh NQ, Phu TM, Douny C, Phuong NT, **Huong DTT**, Kestemont P and Scippo M-L (2018). Bioconcentration and half-life of quinalphos pesticide in rice-fish integration system in the Mekong Delta, Vietnam. *Journal of environmental science and health, Part B*. 53(1): 35-41
22. Thinh PV, **Phuong NT**, Brauner CJ, Huong DTT, Wood AT, Kwan GT, Conner JL, Bayley M, Wang T. (2018). Acid-base regulation in the air-breathing swamp eel (*Monopterus albus*) at different temperatures. *Journal of Experimental Biology*; DOI:10.1242/jeb.172551
23. Tuong DD, Borowiec B, Clifford AM, Filogonio R, Somo D, Huong DTT, **Phuong NT**, Wang T, Bayley M and Milsom WK (2018). Ventilatory responses of the clown knifefish, *Chitala ornata*, to hypercarbia and hypercapnia. *Journal of Comparative Physiology B*, 188(4), 581–589.
24. Gam LTH, Jensen FB, Damsgaard C, **Huong DTT**, Phuong NT and Bayley M (2017). Extreme nitrite tolerance in the clown knifefish *Chitala ornata* is linked to up-regulation of methaemoglobin reductase activity. *Aquatic Toxicology*, 187, 9–17.
25. Nguyen Quoc Thinh, Tran Minh Phu, Caroline Douny, **Nguyen Thanh Phuong**, Do Thi Thanh Huong, Patrick Kestemont, Marie-Louise Scippo (2017). Bioconcentration and half-life of quinalphos pesticide in rice-fish integration system in the Mekong Delta, Vietnam. *Journal of Environmental Science and Health Part B* 10/2017; 53(1):1-7., DOI:10.1080/03601234.2017.1371551
26. Nguyen Van Sy, Kazuo Harada, Megumi Asayama, Minae Warisaya, Le Hong Dung, Yoshinori Sumimura, Khong Thi Diep, Le Viet Ha, Nguyen Nam Thang, Tran Thi Tuyet Hoa, Tran Minh Phu, Pham Ngoc Khai, **Nguyen Thanh Phuong**, Le Danh Tuyen, Yoshimasa Yamamoto, Kazumasa Hirata (2017). *Residues of 2-hydroxy-3-phenylpyrazine, a degradation product of some β-lactam antibiotics, in environmental water in Vietnam*. *Chemosphere* 01/2017; 172:355-362., DOI:10.1016/j.chemosphere.2016.12.156

27. Tatsuya Nakayama, Tran Thi Tuyet Hoa, Kazuo Harada, Minae Warisaya, Megumi Asayama, Atsushi Hinenoya, Joon Won Lee, Tran Minh Phu, Shuhei Ueda, Yoshinori Sumimura, Kazumasa Hirata, **Nguyen Thanh Phuong**, Yoshimasa Yamamoto (2017). Water metagenomic analysis reveals low bacterial diversity and the presence of antimicrobial residues and resistance genes in a river containing wastewater from backyard aquacultures in the Mekong Delta, Vietnam. *Environmental Pollution* 01/2017; 222., DOI:10.1016/j.envpol.2016.12.041
28. Truong-Giang Huynh, Ya-Li Shiu, **Thanh-Phuong Nguyen**, Quoc-Phu Truong, Jiann-Chu Chen, Chun-Hung Liu (2017). Current applications, selection, and possible mechanisms of actions of synbiotics in improving the growth and health status in aquaculture: A review. *Fish & Shellfish Immunology* 03/2017; 64., DOI:10.1016/j.fsi.2017.03.035
29. Matthew D Regan, Andy J Turko, Joseph Heras, Mads Kuhlmann Andersen, Sjannie Lefevre, Tobias Wang, Mark Bayley, Colin J Brauner, Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, E Nilsson (2016). Ambient CO₂, fish behaviour and altered GABAergic neurotransmission: exploring the mechanism of CO₂-altered behaviour by taking a hypercapnia dweller down to low CO₂ levels. *Journal of Experimental Biology* 01/2016; 219(1). DOI:10.1242/jeb.131375
30. Nguyen Thi Ngoc Hon, Tran Thi Tuyet Hoa, Nguyen Quoc Thinh, Atsushi Hinenoya, Tatsuya Nakayama, Kazuo Harada, Megumi Asayama, Minae Warisaya, Kazumasa Hirata, **Nguyen Thanh Phuong**, Yoshimasa Yamamoto (2016). Spread of antibiotic and antimicrobial susceptibility of ESBL-producing *Escherichia coli* isolated from wild and cultured fish in the Mekong Delta, Vietnam. *Fish Pathology* 05/2016; 51(Special-issue):S75-S82., DOI:10.3147/jsfp.51.S75
31. Yuichi Kano, David Dudgeon, So Nam, Hiromitsu Samejima, Katsutoshi Watanabe, Chaiwut Grudpan, Jarungjit Grudpan, Wichan Magtoon, Prachya Musikasinthorn, **Phuong Thanh Nguyen**, Bounthob Praxaysonbath, Tomoyuki Sato, Koichi Shibukawa, Yukihiko Shimatani, Apinun Suvarnaraksha, Wataru Tanaka, Phanara Thach, Dac Dinh Tran, Tomomi Yamashita, Kenzo Utsugi (2016). Impacts of dams and global warming on fish biodiversity in the indo-burma hotspot. *PLoS ONE* 08/2016; 11(8)., DOI:10.1371/journal.pone.0160151
32. Margot Andrieu, Andreu Rico, Tran Minh Phu, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Paul J Van den Brink (2015). Ecological risk assessment of the antibiotic enrofloxacin applied to Pangasius catfish farms in the Mekong Delta, Vietnam. *Chemosphere*. Volume: 119; Pages: 407-414.
33. Pham Minh Duc, Tran Thi Tuyet Hoa, **Nguyen Thanh Phuong**, R.H. Bosma, Huynh Van Hien, Tran Ngoc Tuan (2015). Virus diseases risk-factors associated with shrimp farming practices in rice-shrimp and intensive culture systems in Mekong Delta Viet Nam. *International Journal of Scientific and Research Publications*. Volume 5, Issue 8.
34. Rasmus Ern, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Peter Teglbjerg Madsen, Tobias Wang, Mark Bayley (2015). Some like it hot: Thermal tolerance and oxygen supply capacity in two eurythermal crustaceans. *Scientific Reports* 06/2015; 5. DOI:10.1038/srep10743.
35. Tran Minh Phu, Caroline Douny, Marie-Louise Scippo, Edwin De Pauw, Nguyen Quoc Thinh, Do Thi Thanh Huong, Huynh Phuoc Vinh, **Nguyen Thanh Phuong**, Anders Dalsgaard (2015). Elimination of enrofloxacin in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) following on-farm treatment. *Aquaculture* 438 (2015) 1–5. DOI:10.1016/j.aquaculture.2014.12.032

36. Tran Minh Phu, Marie-Louise Scippo, **Nguyen Thanh Phuong**, Cao Thi Kieu Tien, Co Hong Son, Anders Dalsgaard (2015). Withdrawal time for sulfamethoxazole and trimethoprim following treatment of striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) and hybrid red tilapia (*Oreochromis mossambicus x Oreochromis niloticus*). *Aquaculture*. Volume 437, Pages 256–262. DOI:10.1016/j.aquaculture.2014.12.009
37. Tran Minh Phu, **Nguyen Thanh Phuong**, Marie-Louise Scippo, Anders Dalsgaard (2015). Quality of antimicrobial products used in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) aquaculture in Vietnam. *PLoS ONE* 04/2015; 10(4):e0124267. DOI:10.1371/journal.pone.0124267
38. Tran Minh Phu, **Nguyen Thanh Phuong**, Tu Thanh Dung, Dao Minh Hai, Vo Nam Son, Andreu Rico, Jesper Hedegaard Clausen, Henry Madsen, Francis Murray, Anders Dalsgaard (2015). An evaluation of fish health-management practices and occupational health hazards associated with *Pangasius catfish (Pangasianodon hypophthalmus)* aquaculture in the Mekong Delta, Vietnam. *Aquaculture Research* 03/2015; 47(9)., DOI:10.1111/are.12728
39. Dang Thi Hoang Oanh, Tran Viet Tien, Nguyen Thanh Phuong (2014). Effect of Insecticide Containing Deltamethrin on Immune Response of the Giant Freshwater Prawn, *Macrobrachium rosenbergii* (De Man 1879). 27(2): 90-103
40. Hang BTB, Phuong NT and Kestemont P. (2014). Can immunostimulants efficiently replace antibiotic in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) against bacterial infection by *Edwardsiella ictaluri*?. *Fish & Shellfish Immunology*. 40(2). DOI:10.1016/j.fsi.2014.08.007
41. Hang BTB, Phuong NT and Kestemont P. (2014). Oral administration of *Escherichia coli* lipopolysaccharide enhances the immune system of striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus* (Sauvage). *Aquaculture Research*. DOI:10.1111/are.12589
42. Margot Andrieu, Andreu Rico, Tran Minh Phu, Do Thi Thanh Huong, Nguyen Thanh Phuong, Paul J Van den Brink (2014). Ecological risk assessment of the antibiotic enrofloxacin applied to *Pangasius catfish* farms in the Mekong Delta, Vietnam. *Chemosphere*. 119C:407-414. DOI:10.1016/j.chemosphere.2014.06.062
43. S. Lefevre, T. Wang, A. Jensen, N. V. Cong, D. T. T. Huong, **N.T. Phuong**, M. Bayley (2014). Air-breathing fishes in aquaculture. What can we learn from physiology? *Journal of Fish Biology*: DOI:10.1111/jfb.12302
44. B.T. Hang, **N.T. Phuong**, P. Kestemont (2013). Efficiency of different immunostimulants on immune response of striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Fish & Shellfish Immunology*. 34(6):1654–1655. DOI:10.1016/j.fsi.2013.03.063
45. Caroline Douny, Joëlle Widart, Edwin De Pauw, Frédéric Silvestre, Patrick Kestemont, Huynh Thi Tu, **Nguyen Thanh Phuong**, Guy Maghuin-Rogister, Marie-Louise Scippo (2013). Development of an analytical method to detect metabolites of nitrofurans: Application to the study of furazolidone elimination in Vietnamese black tiger shrimp (*Penaeus monodon*). *Aquaculture*. 376–379:54-58. DOI:10.1016/j.aquaculture.2012.11.001
46. Rasmus Ern, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tobias Wang, Mark Bayley (2013). Oxygen delivery does not limit thermal tolerance in a tropical eurythermal crustacean. *Journal of Experimental Biology*. 217(5). DOI:10.1242/jeb.094169

47. Tam M. Bui, **N.T. Phuong**, Gia Hien Nguyen, Sena S. De Silva (2013). Fry and fingerling transportation in the striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*, farming sector, Mekong Delta, Vietnam: A pivotal link in the production chain. *Aquaculture*. 388–391(1):70–75. DOI:10.1016/j.aquaculture.2013.01.007
48. Andreu Rico, Kriengkrai Satapornvanit, Mohammad M Haque, Jiang Min, Phuong T Nguyen, Trevor C Telfer, Paul J Van Den Brink: Use of chemicals and biological products in Asian aquaculture and their potential environmental risks: A critical review. *Reviews in Aquaculture*. 4(2):75-93. DOI:10.1111/j.1753-5131.2012.01062.x
49. Bui Thi Bich Hang, Sylvain Milla, Virginie Gillardin, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont (2012). In vivo effects of Escherichia coli lipopolysaccharide on regulation of immune response and protein expression in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Fish & Shellfish Immunology*. 34(1). DOI:10.1016/j.fsi.2012.11.025
50. David C. Little, Simon R. Bush, Ben Belton, Nguyen Thanh Phuong, James A. Young, Francis J. Murray (2012). Whitefish wars: Pangasius, politics and consumer confusion in Europe. *Marine Policy* 05/2012; 36(3-3):738-745. DOI:10.1016/j.marpol.2011.10.006
51. Hoa TTT, Zwart MP, **Phuong NT**, de Jong MCM, Vlak JM (2012). Low numbers of repeat units in variable number of tandem repeats (VNTR) regions of white spot syndrome virus are correlated with disease outbreaks. *Journal of Fish Diseases*. 35(11):817-26. DOI:10.1111/j.1365-2761.2012.01406.x
52. Marie-Aline Pierrard, Patrick Kestemont, **Nguyen Thanh Phuong**, Minh Phu Tran, Edouard Delaive, Marie-Laëtitia Thezenas, Marc Dieu, Martine Raes, Frédéric Silvestre (2012). Proteomic analysis of blood cells in fish exposed to chemotherapeutics: Evidence for long term effects. *Journal of proteomics*. 75(8):2454-67. DOI:10.1016/j.jprot.2012.02.028
53. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tobias Wang, Mark Bayley (2012). Effects of hypoxia on the partitioning of oxygen uptake and the rise in metabolism during digestion in the air-breathing fish *Channa striata*. *Aquaculture*; 364-365:137. DOI:10.1016/j.aquaculture.2012.08.019
54. Sjannie Lefevre, Frank B Jensen, Do T.T. Huong, Tobias Wang, **Nguyen T Phuong**, Mark Bayley (2012). Haematological and ion regulatory effects of nitrite in the air-breathing snakehead fish *Channa striata*. *Aquatic toxicology (Amsterdam, Netherlands)*. 118-119:48-53. DOI:10.1016/j.aquatox.2012.03.011.
55. Sjannie Lefevre, Tobias Wang, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2012). Partitioning of oxygen uptake and cost of surfacing during swimming in the air-breathing catfish *Pangasianodon hypophthalmus*. *Journal of Comparative Physiology B*. 183(2). DOI:10.1007/s00360-012-0701-8
56. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P Zwart, **Nguyen T Phuong**, Dang T H Oanh, Mart C M de Jong, Just M Vlak (2012). Indel-II region deletion sizes in the white spot syndrome virus genome correlate with shrimp disease outbreaks in southern Vietnam. *Diseases of Aquatic Organisms*. 99(2):153-62. DOI:10.3354/dao02463
57. Danyi S, Widart J, Douny C, Dang PK, Baiwir D, Wang N, Tu HT, Tung VT, **Phuong NT**, Kestemont P, Scippo M-L (2011). Determination and kinetics of enrofloxacin and ciprofloxacin in Tra catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) and giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) using a liquid chromatography/mass spectrometry method. *Journal of Veterinary Pharmacology and Therapeutics*. 34(2):142-52. DOI:10.1111/j.1365-2885.2010.01204.x

58. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, Bertrand De Meulder, Jean-Pierre Thome, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont (2011). Combined effects of deltamethrin, temperature and salinity on oxidative stress biomarkers and acetylcholinesterase activity in the black tiger shrimp (*Penaeus monodon*). *Chemosphere*. 86(1):83-91. DOI:10.1016/j.chemosphere.2011.09.022
59. Sena S. De Silva, **Nguyen T. Phuong** (2011). Striped catfish farming in the Mekong Delta, Vietnam: A tumultuous path to a global success. *Reviews in Aquaculture*. 3(2):45 - 73. DOI:10.1111/j.1753-5131.2011.01046.x
60. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, Nguyen Thi Kim Ha, Tobias Wang, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2011). A telemetry study of swimming depth and oxygen level in a *Pangasius* pond in the Mekong Delta. *Aquaculture*. 315(3-4):410. DOI:10.1016/j.aquaculture.2011.02.030
61. Sjannie Lefevre, Frank B Jensen, Do T T Huong, Tobias Wang, **Nguyen T Phuong**, Mark Bayley (2011). Effects of nitrite exposure on functional haemoglobin levels, bimodal respiration, and swimming performance in the facultative air-breathing fish *Pangasianodon hypophthalmus*. *Aquatic toxicology (Amsterdam, Netherlands)*. 104(1-2):86-93. DOI:10.1016/j.aquatox.2011.03.019
62. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P Zwart, **Nguyen T Phuong**, Dang T H Oanh, Mart C M de Jong, Just M Vlak (2011). Mixed-genotype white spot syndrome virus infections of shrimp are inversely correlated with disease outbreaks in ponds. *Journal of General Virology*. 92(Pt 3):675-80. DOI:10.1099/vir.0.026351-0
63. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P. Zwart, **Nguyen Thanh Phuong**, Just M. Vlak, Mart C. M. de Jong (2011). Transmission of white spot syndrome virus in improved-extensive and semi-intensive shrimp production systems: A molecular epidemiology study. *Aquaculture*. 313(1-4-313):7-14. DOI:10.1016/j.aquaculture.2011.01.013
64. Vu Nam Son, Nguyen Thanh Phuong, Tran Ngoc Hai, Amaratne Yakupitiyage (2011). Production and economic efficiencies of intensive black tiger prawn (*Penaeus monodon*) culture during different cropping seasons in the Mekong delta, Vietnam. *Aquaculture International*. 19(3):555-566. DOI:10.1007/s10499-010-9371-2
65. Amit Kumar Sinha, Caroline Vanparys, Gudrun De Boeck, Patrick Kestemont, Neil Wang, **Phuong Thanh Nguyen**, Marie-Louise Scippo, Wim De Coen, Johan Robbens (2010). Expression characteristics of potential biomarker genes in Tra catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*, exposed to trichlorfon. *Comparative Biochemistry and Physiology Part D Genomics and Proteomics* 09/2010; 5(3):207-16. DOI:10.1016/j.cbd.2010.05.001
66. Dinh TD, Moreau J, Van MV, **Phuong NT** and Toan VT (2010). Population dynamics of shrimps in littoral marine waters of the Mekong Delta, south of Viet Nam. *Pakistan Journal of Biological Sciences*. 13(14):683-90. DOI:10.3923/pjbs.2010.683.690
67. Do Thi Thanh Huong, Tobias Wang, Mark Bayley, **Nguyen Thanh Phuong** (2010). Osmoregulation, growth and moulting cycles of the giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) at different salinities. *Aquaculture Research*. 41(9):135 -143. DOI:10.1111/j.1365-2109.2010.02486.x
68. Frédéric Silvestre, Tu Thi Huynh, Amandine Bernard, Jennifer Dorts, Marc Dieu, Martine Raes, **Phuong Thanh Nguyen**, Patrick Kestemont (2010). A differential proteomic approach to assess the effects of chemotherapeutics and production management strategy on giant tiger shrimp *Penaeus monodon*. *Comparative*

Biochemistry and Physiology Part D Genomics and Proteomics. 5(3):227-33.
DOI:10.1016/j.cbd.2010.06.003

69. Glencross B, Hien TTT, **Phuong NT** and Tu TLC (2010). A factorial approach to defining the energy and protein requirements of Tra Catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*: Energy and protein requirements of Tra Catfish. *Aquaculture Nutrition*. 17(2). DOI:10.1111/j.1365-2095.2010.00774.x
70. Hien TTT, **Phuong NT**, Tu TLC and Glencross B. (2010). Assessment of methods for the determination of digestibilities of feed ingredients for Tra catfish, *Pangasinodon hypophthalmus*. *Aquaculture Nutrition*. 16(4). DOI:10.1111/j.1365-2095.2009.00671.x
71. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, Neil Wang, Jean-Pierre Thome, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont (2010). A multi-biomarker approach to assess the impact of farming systems on black tiger shrimp (*Penaeus monodon*). *Chemosphere*. 81(10):1204-11. DOI:10.1016/j.chemosphere.2010.09.039
72. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont (2010). Effects of pesticides and antibiotics on penaeid shrimp with special emphases on behavioral and biomarker responses. *Environmental Toxicology and Chemistry*. 29(4):929-38. DOI:10.1002/etc.99
73. Marcy N Wilder, Wei-Jun Yang, Do Thi, Thanh Huong, Masachika Maeda, Tran Thi, Thanh Hien, Truong Quoc Phu, **Nguyen Thanh Phuong**, Hiroshi Y Ogata (2010). Reproductive mechanisms in the giant freshwater prawn, *Macrobrachium rosenbergii* and cooperative research to improve seed production technology in the Mekong delta region of Vietnam. UJNR Technical Report No. 28. 149-156.
74. Minh TH, Wenresti GG, Phuong NT (2010). Fishery and aquaculture of juvenile mudskipper *Pseudapocryptes elongatus* (Cuvier, 1816) in the coastal zone of Mekong Delta, Vietnam. *Asian Fisheries Science*. 23:224-239.
75. Sena S De Silva, Brett A Ingram, **Phuong T Nguyen**, Tam M Bui, Geoff J Gooley, Giovanni M Turchini (2010). Estimation of Nitrogen and Phosphorus in Effluent from the Striped Catfish Farming Sector in the Mekong Delta, Vietnam. *AMBIO A Journal of the Human Environment*. 39(7):504-14. DOI:10.1007/s13280-010-0072-x
76. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, Tobias Wang, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2010). Hypoxia tolerance and partitioning of bimodal respiration in the striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Comparative biochemistry and physiology. Part A, Molecular & integrative physiology*. 158(2):207-14. DOI:10.1016/j.cbpa.2010.10.029
77. Tam M. Bui, Lam T. Phan, Brett A. Ingram, Thuy T.T. Nguyen, Geoff J. Gooley, Hao V. Nguyen, **Phuong T. Nguyen**, Sena S. De Silva (2010). Seed production practices of striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus* in the Mekong Delta region, Vietnam. *Aquaculture*. 306(1):92-100. DOI:10.1016/j.aquaculture.2010.06.016
78. Tu HT, Silvestre F, **NT Phuong**, Kestemont P. (2010). Effects of pesticides and antibiotics in penaeid shrimp and the use of biomarkers. *Environ Toxicol Chem*. 29(4):929-38. doi: 10.1002/etc.99.
79. Van M.V., **Phuong N.T.**, Dinh T.D., Villanueva Maria C., Moreau J. (2010). A mass-balance Ecopath model of coastal areas in the Mekong Delta, Vietnam. *Asian Fisheries Science* 23 (2):208-223
80. Jennifer Dorts, Frédéric Silvestre, Huynh Thi Tu, Anne-Eric Tyberghein, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont (2009). Oxidative stress, protein carbonylation and heat shock proteins in the black tiger shrimp, *Penaeus monodon*, following

- exposure to endosulfan and deltamethrin. 28(2):302-10.
DOI:10.1016/j.etap.2009.05.006
81. Lam T. Phan, Tam M. Bui, Thuy T.T. Nguyen, Geoff J. Gooley, Brett A. Ingram, Hao V. Nguyen, **Phuong T. Nguyen**, Sena S. De Silva (2009). Current status of farming practices of striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus* in the Mekong Delta, Vietnam. *Aquaculture* 11/2009; 296(3-296):227-236.
DOI:10.1016/j.aquaculture.2009.08.017
 82. Neil Wang, Noemie Nkejabega, Nguyen-Ngoc Hien, Thi-Tu Huynh, Frederic Silvestre, **Nguyen-Thanh Phuong**, Sophie Danyi, Joëlle Widart, Caroline Douny, Marie-Louise Scippo, Patrick Kestemont, Do-Thi-Thanh Huong (2009). Adverse effects of enrofloxacin when associated with environmental stress in Tra catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Chemosphere* 10/2009; 77(11):1577-84.
DOI:10.1016/j.chemosphere.2009.09.038.
 83. Nguyen V. Cong, Mark Bayley, Nguyen V. Toan, Tobias Wang, **Nguyen T. Phuong** (2009). Effects of the insecticide diazinon on growth performances and breathing in the climbing perch *Anabas testudineus*. *Comparative Biochemistry and Physiology - Part A Molecular & Integrative Physiology*. 153(2). DOI:10.1016/j.cbpa.2009.04.266
 84. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, Marie-Louise Scippo, Jean-Pierre Thome, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont (2009). Acetylcholinesterase activity as a biomarker of exposure to antibiotics and pesticides in the black tiger shrimp (*Penaeus monodon*). *Ecotoxicology and Environmental Safety*. 72(5):1463-70.
DOI:10.1016/j.ecoenv.2009.04.008.
 85. Dorts J., Silvestre F, Tyberghein AE, Tu HT, Phuong NT and Kestemont P (2009). Oxidative stress, protein carbonylation and heat shock proteins in the giant tiger shrimp *Penaeus monodon* exposed to endosulfan or deltamethrin. *Environ Toxicol Pharmacol*. 28(2):302-10. doi: 10.1016/j.etap.2009.05.006.
 86. Nguyen Van Cong, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2009). Effects of repeated exposure of diazinon on cholinesterase activity and growth in Snakehead fish (*Channa striata*). *Ecotoxicol Environ Saf*. *Ecotoxicology and Environmental Safety*. 72(3):699-703. DOI:10.1016/j.ecoenv.2008.10.007
 87. Nguyen Van Cong, **Nguyen T Phuong**, Mark Bayley (2008). Effects of sublethal concentrations of diazinon on surfacing and hanging behaviors of snakehead *Channa striata*. *Fisheries Science*. 74(6):1330-1332. DOI:10.1111/j.1444-2906.2008.01659.x
 88. Huynh Thi Tu, Frédéric Silvestre, Amandine Bernard, Caroline Douny, **Nguyen Thanh Phuong**, Chau Tai Tao, Guy Maghuin-Rogister, Patrick Kestemont (2008). Oxidative stress response of black tiger shrimp (*Penaeus monodon*) to enrofloxacin and to culture system. *Aquaculture* 08/2008; 285(1-4):244-248.
DOI:10.1016/j.aquaculture.2008.08.032
 89. Cong NV, **Phuong NT**, Bayley M. (2008). Brain cholinesterase response in the snakehead fish (*Channa striata*) after field exposure to diazinon. *Ecotoxicology and Environmental Safety* 06/2008; 71(2):314-8. DOI:10.1016/j.ecoenv.2008.04.005
 90. Dinh TD, Ambak MA, Hassan A, **Phuong NT** (2007). Biology and population dynamics of the goby *Pseudapocryptes elongatus* in the coastal mud flat areas of the Mekong Delta, Vietnam. *Pakistan Journal of Biological Sciences* 11/2007; 10(19):3284-94. DOI:10.3923/pjbs.2007.3284.3294
 91. Geert Huys, Kerry Bartie, Margo Cnockaert, Dang Thi Hoang Oanh, **Nguyen Thanh Phuong**, Temdoug Somsiri, Supranee Chinabut, Fatimah Md Yusoff, Mohamed

- Shariff, Mauro Giacomini, Alan Teale, Jean Swings (2007). Biodiversity of chloramphenicol-resistant mesophilic heterotrophs from Southeast Asian aquaculture environments. *Research in Microbiology*. 158(3):228-35.
DOI:10.1016/j.resmic.2006.12.011
92. Temdoug Somsiri, Dang Thi Hoang Oanh, Supranee Chinabut, **Nguyen Thanh Phuong**, Mohamed Shariff, Fatimah Md. Yusoff, Kerry Bartie, Mauro Giacomini, Michela Robba, Stefania Bertone, Geert Huys, Alan Teale (2006). A simple device for sampling pond sediment. *Aquaculture* 08/2006; 258(1-4):650-654.
DOI:10.1016/j.aquaculture.2005.06.036
93. Nguyen Van Cong, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2006). Sensitivity of brain cholinesterase activity to diazinon (BASUDIN 50EC) and fenobucarb (BASSA 50EC) insecticides in the air-breathing fish *Channa striata* (Bloch, 1793). *Environmental Toxicology and Chemistry* 06/2006; 25(5):1418-25. DOI:10.1897/05-364R.1
94. **Nguyen Thanh Phuong**, Tran Ngoc Hai, Tran Thi Thanh Hien, Tran Van Bui, Do Thi Thanh Huong, Vu Nam Son, Yoshinori Morooka, Yutaka Fukuda, Marcy N. Wilder (2006). Current status of freshwater prawn culture in Vietnam and the development and transfer of seed production technology. *Fisheries Science*. 72(1):1 - 12. DOI:10.1111/j.1444-2906.2006.01109.x
95. Geert Huys, Margo Cnockaert, Kerry Bartie, Dang Thi Hoang Oanh, **Nguyen Thanh Phuong**, Temdoug Somsiri, Supranee Chinabut, Fatimah Md Yusoff, Mohamed Shariff, Mauro Giacomini, Stefania Bertone, Jean Swings, Alan Teale (2005). Intra- and interlaboratory performance of antibiotic disk-diffusion-susceptibility testing of bacterial control strains of relevance for monitoring aquaculture environments. *Diseases of Aquatic Organisms*. 66(3):197-204. DOI:10.3354/dao066197
96. Tran Thi Thanh Hien, Tran Ngoc Hai, Nguyen Thanh Phuong, Hiroshi Y. Ogata, Marcy N. Wilder (2005). The effects of dietary lipid sources and lecithin on the production of giant freshwater prawn *Macrobrachium rosenbergii* larvae in the Mekong Delta region of Vietnam. *Fisheries Science*. 71(2):279-286.
DOI:10.1111/j.1444-2906.2005.00961.x
97. Vu Nam Son, Yang Yi, **Nguyen Thanh Phuong** (2005). River pen culture of giant freshwater prawn *Macrobrachium rosenbergii* (De Man) in southern Vietnam. *Aquaculture Research*. 36(3):284 - 291. DOI:10.1111/j.1365-2109.2005.01243.x
98. Stig M Christensen, Donald J Macintosh, **Nguyen T Phuong** (2004). Pond production of the mud crabs *Scylla paramamosain* (Estampador) and *S. olivacea* (Herbst) in the Mekong Delta, Vietnam, using two different supplementary diets. *Aquaculture Research*. 35(11):1013 - 1024. DOI:10.1111/j.1365-2109.2004.01089.x
99. Marcy Wilder, Nguyen Thanh Phuong (2002). The Status of Aquaculture in the Mekong Delta Region of Vietnam: Sustainable Production and Combined Farming Systems. *Proceedings of International Commemorative Symposium: 70th Anniversary of the Japanese Society of Fisheries Science*. *Fisheries Science Vol. 68, Supplement I*, November 2002, pages: 1-5.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

- 1) Giải thưởng “Bông lúa vàng” cho công trình sản xuất giống tôm càng xanh theo mô hình nước xanh cải tiến (2003)
- 2) Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam – thương hiệu và chất lượng” cho đóng góp công trình nghiên cứu vào sự phát triển Nông nghiệp

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

- ORCID: <https://orcid.org/0000-0001-7810-430X>
- Theo Researchgate đến ngày: 30/04/2020: Score: 37.46; citation: 2.388
- Theo Google scholar đến ngày: 30/04/2020: h-index: 34; i10-index: 74; citation: 3.069 (tính từ năm 2015: h-index: 27; i-index: 62, trích dẫn 2031)

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Thành thạo đọc, viết và nói

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 30 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thanh Phương